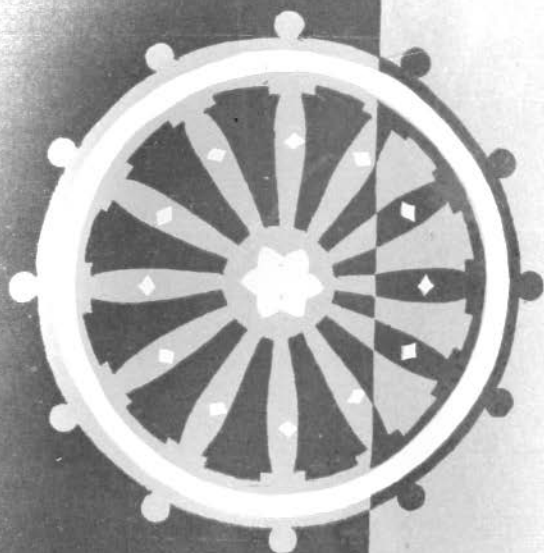




8

Rằm Tháng Tám Ất Tỵ 10-9-65
Năm Thứ Mười Một

NGUYỆT SAN

LIÊN-HOÀ



LIÊN-HOA

nguyệt - san

P.L. 2509 - Rằm Tháng 8 Năm Ất-Tý (10-9-1965)

TRONG SỐ NÀY:

Bảo vệ và phụng sự chánh pháp
Thập Thiện
Vì các em nhỏ trong đêm Trung-thu này (thơ)
Thiện tâm trong ý Phật
Cõi Tịnh
Tinh thần cõi mở
Lời Phật dạy
Trang lưu niệm và nước mắt chúng sinh
Nhớ thầy (thơ)
Việc tôi làm không quan trọng
Ngọc Như-Ý
Hoài Niệm
Quay phim thế sự
Vườn thơ đạo lý
Vai trò Phật-giáo trong những việc Quốc-tế
Tin tức

Liên-Hoa
Tịnh-Như
Tường-Phong
Nguyễn-văn-Cổn
Cầm-Thủy
Thích-Mãn-Giác
Thích-Minh-Châu
Đức-Thương
Hoàng-việt-Sơn
Hoài-Mai
Quảng-Huệ
Minh-Giang
Ủy-Khanh
Nguyễn-Hạnh
Thái-Trạch dịch

CHỦ NHIỆM :
THÍCH ĐÔN - HẬU
QUẢN LÝ : **THÍCH**
NỮ DIỆU - KHÔNG

Thư từ bài vở bưu phiếu xin đề :

Thầy THÍCH ĐỨC - TÂM

Tổng thư-ký tòa-soạn

66 Chi-Lăng—Hộp thư 24, HUẾ

Giá báo một năm :

- Trong tỉnh : 110\$00 — Ngoài tỉnh : 120\$00
- Công sở và ngoại quốc 240\$00

BẢO VỆ VÀ PHỤNG SỰ CHÁNH PHÁP

Liên-Hoa

CHÁNH pháp, dưới đôi mắt của người Phật-tử, là những nguyên lý linh động triển khai hình ảnh chân lý, là mọi sinh hoạt thích ứng chân lý, và cũng là sự tự thân của chân lý nữa. Chân lý đó, khi thể hiện trong cuộc đời, sẽ đem lại an lạc cho mọi người và đem sinh lực lại cho nhân loại. Do đó, bảo vệ và phụng sự chánh pháp, là điều hết sức tự nhiên và cần thiết.

Tuy nhiên bảo vệ và phụng sự Chánh-pháp, không phải là độc quyền chân lý, xem chân lý như tư hữu của riêng mình. Chân lý là chân lý, luôn luôn phổ biến và thường tại. Ở đâu, bất cứ nơi nào, hề có sự thao thức về sự thật, sự suy gẫm về cuộc đời, sự thể nghiệm sâu xa về thực tại, thì ở đó, chân lý sẽ hiển hiện.

Bảo vệ và phụng sự Chánh-pháp, do đó, lại càng không phải ôm giữ những giáo điều khô úa với tháng ngày, những nghi lễ rườm rà vô nghĩa. Cúi đầu trước thần thánh mà không suy nghiệm cũng đã là một hình thức nô lệ, từng phục trước các tổ chức Phật-giáo một cách mù quáng không hề phản biện lại càng không đáng làm. Bảo vệ và phụng sự Chánh pháp, ngược lại, chính là cách thức thực hiện thường trực những nguyên lý của thực tại, và nhất là ban phát nếp sống từ hòa giác ngộ lên trên cuộc đời của kẻ khác để cùng nhau đồng đều lợi ích.

Nhiều người cho rằng, bảo vệ Chánh-pháp là công việc dành riêng cho hạng người trí thức. Ngươi như vậy là lầm. Tính cách phổ biến và bình-đẳng của chân lý đã cho chúng

ta thấy rằng, bảo vệ chân lý, bảo vệ Chánh-pháp không phải là công việc của riêng ai. Tùy theo khả năng của mình, tùy theo sở đắc của mình và cũng tùy theo hoàn cảnh của mình, mỗi người trong chúng ta đều có thể hiến mình cho công việc phụng sự Chánh-pháp. Phụng sự chính là một hình thái bảo vệ tích cực nhất.

Nói đến Chánh-pháp là nói đến toàn bộ, không riêng gì phương diện Văn-hóa hay triết lý. Cho nên, dù ở địa hạt nào chúng ta cũng có thể phụng sự Chánh-pháp được. Sự đóng góp của từng viên sạn, từng hạt cát, cho đến góp một ý kiến, v. v..., tưởng rằng nhỏ bé, nhưng kỳ thật đã dựng nên nôi lâu đài đạo lý trường cửu, vững bền.

Chúng ta đến với Chánh-pháp, bảo vệ Chánh-pháp, phụng sự Chánh-pháp, là bởi Chánh-pháp làm nên sinh lực cho nhân loại. Thiếu Chánh-pháp như thiếu nước ngọt, như thiếu khí thở, như thiếu mặt trời. Đến với Chánh-pháp là vì Chánh-pháp, vì tất cả, chứ không phải vì cá nhân ta. Chân lý không bao giờ hóa ra cơm ăn, áo mặc, hóa ra chi phíếu, mỹ kim, hóa ra huân chương, đai mào. Không thể đòi hỏi ở Chánh-pháp gì hơn ngoài việc **giải thoát** và **giác ngộ**. Đem những tâm niệm vẫn đục danh lợi đến với đạo pháp, khua môi múa mồm bảo vệ đạo pháp, chính là cố tâm bôi nhọ đạo pháp, bôi nhọ chân lý, bôi nhọ phẩm cách con người mà thôi. (Sau cuộc tranh đấu của Phật-giáo, sau ngày Cách-mạng, dưới chân tượng đức Bửu-sư uy nghiêm và bình thản có những khuôn mặt khó , phải vươn lên với chân lý, vênh vang kiêu hãnh, mà đáng lẽ ra họ phải cúi gầm mặt xuống thành tâm sám hối mới phải).

Chánh-pháp là Chân-lý, là những sinh hoạt lợi ích thích hợp với chân lý, đem lại nguồn an vui cho chúng sanh. Chỉ khi nào chúng ta quan niệm như thế, và hiến mình cho lý tưởng siêu việt như thế, dù đóng góp ít ỏi đến bao nhiêu, chúng ta mới thật nhiệt thành phụng sự và bảo vệ Chánh-pháp vậy.

Thập Thiện



Kính dâng tặng các giới tử Vạn-Hạnh

TỊNH-NHƯ

MỖI người chúng ta sinh ra đều khác nhau: khác nhau về hình dáng, về thọ yếu, về giàu nghèo... Tất cả mọi sự sai khác đó, không phải do một sự ngẫu nhiên nào hoặc do Thần-linh sáng tạo, mà chính là do kết quả của Nghiệp-lực sinh ra. Nghiệp gồm bởi các tâm niệm, các lời nói, và các hành động thường ngày. Sự chõng chất các tư tưởng xấu xa, sự tạo tác các hành vi bất thiện, theo luật nhân quả, sẽ đưa con người vào vòng khổ não. Do đó, muốn thay đổi đời sống khổ đau thành đời sống an lạc, chúng ta cần phải thay đổi tư tưởng và hành động tội lỗi của mình trở nên thuần thiện. Đặt tiêu chuẩn cho đời sống đạo hạnh, đức Phật đã trình bày con đường Thập-thiện — mười điều lành — sau đây.

Thế nào là mười điều thiện? Mười điều thiện tức là mười điều cần phải xa lìa: Sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác độc, nói thêu dệt, tham dục, sân hận và tà kiến. Hễ xa lìa được điều ác, tức là đã thực hiện được thiện nghiệp rồi vậy. Sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, được xem là nghiệp của Thân. Nói dối, nói hai lưỡi, nói ác độc, nói thêu dệt được

xem là nghiệp của Miệng. Tham dục, sân hận và tà kiến được xem là nghiệp của Ý. Một hành động chỉ được qui định là thiện hay bất thiện khi nó có đem lại lợi ích an lạc hay đau khổ, tổn hại cho người khác hay không. Khi dùng chỉ mười điều bất thiện trên, tức là chúng ta đã đi vào con đường thiện.

Mười thiện nghiệp, trước hết đem lại ích lợi cá nhân. Chưa nói đến chuyện sau khi chết, sẽ thọ sinh vào Thiên-quốc, người tạo điều thiện, ngay trong đời sống hiện tiền, tự thân vẫn được nhiều lợi ích. Đôi mắt hiền hòa, nụ cười thuần hậu trên ảnh tượng Phật hay của các vị Tỷ-kheo dễ làm ta cảm mến, chắc chắn không phải do ngẫu nhiên mà có, mà chính là do kết quả của lòng Từ Ái khoan dung được thực hiện. Về thanh thân, an lạc của người sống tri túc, lễ dĩ nhiên khó lòng tìm thấy trong những tâm hồn dục vọng tràn trề. Lời nói của những người giữ chữ tín, không ác khẩu, bao giờ cũng được nể trọng, tin nghe. Những điều tầm thường ấy, không nhiều thì ít, cũng nói lên những ích lợi thiết thực trong cuộc sống hiện tại, chưa kể đến công việc thác sinh vào Thiên - đạo tương lai.

Mười thiện nghiệp, còn là chất liệu tạo nên cực lạc trần gian. Cuộc sống đau khổ của chúng ta hôm nay, chính là kết quả của nhiều ác nghiệp. Nếu mỗi người chúng ta, ai nấy đều thực hành thiện nghiệp, xa lìa tàn sát, trộm cắp, tà hạnh v. v... thì nhất định quốc-gia, xã-hội sẽ được an vui. Đời sống xã-hội chỉ là tổng số các nghiệp cá nhân. Nếu tất cả cá nhân sống theo thiện đạo thì xã hội tự nhiên sẽ trở thành an lạc. Tất cả mọi lý thuyết cách-mạng xã hội sẽ trở nên vô bổ nếu không chú trọng đến thực hành. Thập thiện, không phải là

một lý thuyết suông, không nhắm nương dựa vào một thần lực nào bên ngoài, mà chỉ chú trọng đến thực hành, đến khả năng thực hiện từ trong mà ra.

Sau hết, mười thiện nghiệp, cũng là căn bản cho Bồ-Đề Niết-Bàn. Bậc Thánh nhân, muốn đi vào con đường thoát ly sanh tử, không thể nào không thực hành mười điều thiện. Quả vị Niết-Bàn không thể nào thực chứng cho những người còn ôm giữ những ác nghiệp xấu xa. Chỉ khi nào những ác nghiệp như tà kiến, sát sanh, trộm cắp v. v... được chấm dứt, mới có thể tạo nên điều kiện thuận lợi cho việc giác ngộ và giải thoát mà thôi. Cho nên, tuy rằng mười thiện nghiệp là con đường dẫn đến Nhân Thiên, nhưng là căn bản cho Bồ-Đề Niết-Bàn vậy.

Khi đã hiểu mười điều thiện với tất cả ích lợi của nó, chúng ta sẽ cố gắng thực hành bằng tất cả tinh thần tự giác và tự nguyện. Giới luật không phải là những điều ép buộc. Nó chỉ là phương thức sống, sau khi đã lựa chọn, quyết định. Nhưng một khi đã lựa chọn, quyết định, thì giới luật và thân mạng của ta đã cột chặt với nhau làm một, như người đắm tàu cùng chiếc phao trên biển cả. Thả phao ra, chúng ta sẽ đi vào vực thẳm.

Thế giới hiện đại, hơn lúc nào hết, cần đến sự cải hóa khẩn cấp để thay đổi bộ mặt khổ đau. Chỉ có con đường thập-thiện mới giúp chúng ta xóa nhòa được bộ mặt khổ đau đó. Thực hiện hay không là ở chúng ta, vì chỉ có chúng ta mới hoàn toàn trách nhiệm về cuộc sống.

Vì các em nhỏ trong đêm Trung - Thu này

Vì các em nhỏ trong đêm trung thu này
Tôi đòi ba các em ở ngoài mặt trận
Hãy gác súng trở về cùng các em
Trong đêm rằm tháng tám
Có trời xanh trong
Có mây giãi trắng
Có mặt trăng tròn
Có chú cuội vẫn ngồi dưới gốc cây đa
Chứ không phải
Chỉ có toàn đại bác xe tăng
Và hầm hố và súng đạn
Và bom nổ và tàu bay
Ôi những khối sắt biết bay trên trời
Che hết trăng và sao của các em
Che hết đèn kéo quân của các em
Trong đêm trung thu này



Vì các em nhỏ trong đêm trung thu này
Tôi đòi các người-anh-trẻ-măng của các em
Ở ngoài chiến trường
Hãy gác súng trở về ngưỡng cửa gia đình
Cùng các em
Trong đêm rằm tháng tám
Cùng chơi đèn kéo quân cùng các em

Vì các em nhỏ trong đêm Trung - Thu này

Cùng chơi đèn cá gáy cùng các em
Cùng múa lân cùng các em
Những chiếc bánh trung thu tròn trịa và
vuông vắn này

Chúng em ăn làm sao cho ngon
Khi các anh vừa mới hai mươi tuổi
Của chúng em
Đương còn lẫm lừng đỏ mầu ngoài mặt trận?
Anh phải trở về cùng các em
Chia xẻ niềm vui của các em trong vị ngọt
Từng chiếc bánh đầu xuân
Trong đêm trung thu này
Ba phải trở về cùng các con
Chia xẻ niềm vui của các con trong tiếng
trống thì thùng

Của điện múa lân băng qua các phố
Trong đêm trung thu này
Các anh phải trở về cùng chúng em
Đặt tay chúng em đi tung tăng trong sân
Cùng hát rung giăng rung giẻ
Đặt trẻ đi chơi
Đến ngõ nhà trời
Của đêm trăng rằm tháng tám.

Huế, Trung-Thu năm Ất-Tỵ (1965)

TƯỜNG-PHONG

Thiện tâm

TRONG



ý Phật

NGUYỄN-VĂN-CÒN

Tiến-sĩ Văn-chương Pháp

Trong những cuộc hội họp về « Nghiên Cứu Thuyết Phật », tôi thường có dịp trao đổi ý kiến với các bậc giáo-sư Âu-phương ở các đại-học như Cambridge (Anh-quốc) hay La Haye (Hòa-Lan)

Các bậc thông thái này đã dày công khảo cứu và tu luyện. Có vài ông đã ở cả năm sáu năm ở Ấn-độ và Tây-Tạng, như thế ta có thể tin được kiến-thức của mấy ông không phải ít ỏi, và sự thâm hiểu rất đặc sắc.

Cúi mình trước « ĐẮNG TỪ BI » họ đã nhận bao nhiêu điều giáo-hóa, và luôn luôn muốn « tu thân » và còn làm cho người khác tu thân. Họ không những lãnh hội, mà còn truyền thuyết xung quanh họ.

Trong các vị giáo-sư này, tôi đã đàm đạo lâu nhất với giáo-sư người Anh, tên là Bromfield, năm nay chừng 65 tuổi.

Bà vợ tóc bạc, coi người hiền từ phúc hậu. Cả hai vợ chồng đều ăn nói nhỏ nhẹ, từ tốn và ý tưởng lúc

nào cũng được về từ thiện. Hai ông bà được mỗi một người con trai. thì trong trận giặc vừa qua chàng trai đã chết tại chiến trường khi chống quân Đức Quốc Xã, năm 1944.

Tôi không biết có phải cái chết của người con một đã khiến hai ông bà qui theo thuyết Phật hay chăng? Vì vậy tôi vẫn còn hoài nghi lòng mộ Phật của hai ông bà; nhưng một hôm trước chén nước trà, ông đã nói là hai ông bà theo thuyết Phật từ xưa, và khi cậu con, tên là Frank mới có độ 5 tuổi, thì ông bà đã đưa cậu ta đi qua Ấn-độ, đến tận gốc Phật! Như thế, thì lòng mộ Phật của ông bà, không phải do sự đau khổ mà sinh ra, mà chính là ánh sáng Chân Lý của thuyết Phật đã dội lòng hai ông bà theo một nguồn giác ngộ thiêng liêng.

Khi qua Anh-quốc tôi đã có dịp lại thăm ông bà ở đường nhỏ ở Nottingham. Vào đây, tôi tưởng đâu như đến một gia-đình của một người Á-đông mộ Phật. Cách bày biện rất sơ sài, tinh khiết, trên vách tường ở phòng đọc sách có treo hình Đức-Phật, và các ngăn sách đều là sách triết học. Cách mời uống trà cũng rất thanh đạm: tách nhỏ, vài ba chiếc bánh ngọt, bình trà bỏ trong bao ủ đun bằng máy.

Lẽ tự nhiên khi nói truyện, tôi nghiệm thấy ông bà rất am hiểu thuyết giáo, và các giai thoại về đời sống của Đức-Phật. Ông bà đã thảo-luận rất lâu về cách tu-thân, hi-vọng giải thoát và quả kiếp. Duy chỉ có thuyết *luân hồi*, là ý kiến đã có chỗ chênh lệch. Để tìm hiểu một đạo thuyết cao siêu, tôi cố đem tất cả lòng tin tưởng của tôi để làm siêu lý-luận còn rất « các-tê-ziêng » (cartésien) của ông.

Tôi đã đánh bạo nói với ông: « Chính do sự luân hồi mới có thể làm bớt quả kiếp, vì mỗi một kiếp tu, cái quả của mình càng nhẹ bớt, cho đến khi thoát hẳn sức nặng của hình xác của con người, để đi đến chỗ « Không Không ». Cái nặng hay cái nhẹ là do hành động, ý nghĩ và cách sống của người ta. Một người có từ tâm, có thiện chí thì lẽ tự nhiên cái quả kia sẽ không nặng, và sẽ đưa lần người ta đến con đường giải thoát. »

Trong lúc tôi đàm luận với giáo-sư, thì bà giáo vẫn im lặng ngồi nghe chúng tôi, nhưng xem bộ bà suy nghĩ hung hăng. Sau hết, bà như tự nói một mình: « Như thế thì kiếp này qua kiếp khác người ta luôn luôn phải ăn ở theo *Thiện-Tâm* ! »

Tôi trả lời « Thưa Bà chính thế! Vả lại ta cũng không nên quá sợ hãi, vì gốc là Thiện, mà ngọn là thoát, hơn nữa một người đã tu thân một kiếp, thì đâu có kiếp sau, người ấy cũng không thể nào sa ngã nữa. Ta nên nhớ là lòng của Phật là cội nguồn của Từ Bi. Ta tin nơi Ngài, không khi nào Ngài lại bỏ ta. Vì thế người Phật-tử luôn luôn vững tâm trong việc tu luyện, và con đường *khổ hạnh* là con đường nhẹ nhàng, hòa dịu ! »

Bà giáo đáp lại: « Tôi xin cảm ơn ông ! »

— Thưa bà, đó là Chân Lý. Chúng ta cứ nghĩ rằng, và nói đến đây tôi xin lỗi ông bà, một người hiền hậu, đứng đắn như cậu FRANK, đâu có kiếp sau đi nữa, ta vẫn tin được rằng gốc Thiện ở tâm hồn cậu không bao giờ bị quên bỏ, trái lại gốc đó sẽ sinh cành, sinh ngọn cho đến khi trở lại trong lòng *Từ Bi* và *hải của Đức Phật* ! »

Bà giặt lau nước mắt, nhưng lại giữ ngay được vẻ bình tĩnh. Khi đưa tôi ra ô-tô buýt, ông giáo cầm tay tôi và nói một cách thân ái: « Ông là bạn của tôi, nhưng nếu con tôi còn sống, chắc có lẽ nó sẽ qua Paris thăm ông thường lắm! Nhưng thôi kiếp trần là thế, ta cần phải giàu lòng tin tưởng, kiên tâm, và tuồng vọng đến chỗ Tuyệt Chân, Tuyệt Mỹ, Tuyệt Thiện. »

Rồi ông bỗng nhắc đến sự hy sinh không bờ bến của các vị Tăng, Ni của xứ ta trong thời Ngô-đình-Diệm và trong tương lai.

Tôi bỗng sực nhớ đến nước ta, sống hơn hai mươi năm trong khói lửa.

Cứ theo tin tức hàng ngày nhận được từ ba bốn năm nay, thì vụ chém giết vẫn diễn một cách ghê sợ ở quốc nội, và có lẽ như thế, lòng người ta đã có phần cứng rắn. Nhưng mặc dầu thế sự loạn ly, ta đã chứng kiến lòng Thiện của Phật-tử trong lúc bảo vệ Đạo đức và Chánh Pháp.

Hiện nay có lẽ ở nước mình, những người con Phật vẫn đủ tin tưởng để nêu cao danh nghĩa Từ Bi và Bác Ái, nhưng ở ngoại-quốc, một phần dư luận quốc tế vẫn hướng về sự lãnh đạo Tinh thần của nền Phật-giáo, trong công cuộc gây dựng Thiện Tâm và Hòa Bình, vì thế-giới đã chứng kiến lòng hy sinh vô biên của các vị Tăng Ni và Phật-tử trong thời họ Ngô.

Nhiều khi nói chuyện với các nhà khảo cứu Phật-giáo Âu Phương, tôi đã có dịp trình bày công cuộc xây dựng

nền Hòa Bình của các vị Hòa-Thượng trong khi mà hàng triệu con người Việt-Nam đau khổ đang nghiền mình nhìn về phía Phật Đài.

Mà nhìn về phía Phật Đài, tức là đã bỏ tất cả ý tưởng bạo tàn, và chỉ ước vọng, trong khối nhang và tấm lòng tinh khiết, dân mình thoát khỏi bao nhiêu khổ hải. Phải đủ lòng tin tưởng nơi Phật-giáo, và cũng phải đủ can-đảm để giữ vững bản ngã từ thiện của mình thì mới xứng đáng với danh từ con Phật, mới có thể mong vớt người ta ra khỏi bể trầm luân.

Ta nên nhớ là sức mạnh của Từ Bi hơn tất cả khí giới huân tàn; và máy bay, xe thiết giáp, súng liên thanh sẽ vô hiệu quả trước Lòng tin tưởng của con người:

« *Giặc đặng Bờ Đề*

Thì Giặc phải tan »

Trong mấy năm, nhứt là họ Ngô, dưới cây gươm của Giám - mục Ngô-dinh-Thục và Ngô-dinh-Cẩn ở miền Trung Việt, chúng tôi, một nhóm Phật học ở Paris, luôn luôn tin tưởng nơi các Vị Hòa - Thượng và các vị cao cấp trong nền Phật - giáo, và khi họ Ngô đã bị tiêu diệt, chúng tôi vẫn nêu cao tư tưởng Từ Bi Bác Ái của Phật thuyết.

Vì vậy chúng tôi mong rằng giữa các cuộc chém giết ở quốc nội, người Phật-tử Việt-Nam vẫn giữ vững *Thiện-Tâm* để hậu quả bớt nặng ở kiếp này và kiếp sau.

C O I TỊNH

Cô CÀM - THÙY

Suốt cả ngày hôm nay, tiếng súng vẫn không ngớt vọng lại. Trời hình như cũng đang tức giận gào thét điên cuồng, cây cối chuyển mình run sợ dưới sự hờn giận của trời cao.

Lấn trong tiếng mưa tuông xối xả, tiếng súng đi đùng nghe càng lúc càng rõ hơn, dồn dập từ bên kia chân đồi và cả bốn phía.

Bất giác Hạnh thở dài... Nỗi lo âu xâm chiếm cả tâm hồn. Gian nhà im lặng chìm trong tiếng súng lẫn với tiếng mưa rơi. Thỉnh thoảng liếp cửa lại run bật lên càn cạch như hấp hối. Hạnh đứng dậy gài lại liếp cửa, gió bên ngoài lùa vào rơi bắn mấy giọt mưa vào da mặt lạnh buốt. Tự nhiên Hạnh thấy cay cay ở mắt... Mắt Hạnh nhòa đi trong làn nước mưa mờ đục.

Thạch chồng Hạnh theo đơn vị đi hành quân suốt cả tuần nay vẫn chưa về. Bé Tân con của Hạnh lên cơn sốt li bì đã mấy hôm. Nhìn con, nhìn mưa gió sụt sùi, nghe tiếng súng nổ dồn bốn phía, Hạnh lại càng thêm lo sợ.

Bỗng một tiếng nổ chát chúa từ xa vọng lại làm lay bật các liếp cửa và rung động cả ngôi nhà. Thằng Tân giật mình thức dậy sợ hãi khóc thét lên từng cơn. Hạnh run rẩy ghì chặt con vào lòng, nàng thì thầm khấn nguyện,

Lạy Mẹ tằm thanh!

Cứ mỗi lần có sự lo âu buồn khổ nàng vẫn thường tưởng đến niềm an-tĩnh của Đấng Mẹ Từ-Bi bằng cả ước nguyện thiết tha. Hạnh vững tin nơi bóng Mẹ. Tự nhiên nàng bớt lo âu.

Trời đã bắt đầu dứt hột mưa, màn đêm vừa buông trùm xuống vạn vật. Một vài vì sao thưa thớt ẩn hiện chốc lát lại băng rơi trong tịch lặng. Tiếng súng cũng bắt đầu thưa thớt rồi im theo.

Có lẽ giờ này thì người ta đang lo thu dọn chiến trường. Con đường trở về đơn vị rộn

ràng hẳn lên! một sự rộn
ràng đến rộn rộn cả châu thân.

Vài chiếc xe Hồng-Thập-Tự đang rú lên những hồi còi để tại sau lưng bụi đường phủ kín, năm ba quân nhân y-tá đang lẳng xăng tải các thương nhân trên những băng-ca cấp cứu. Từ xa đoàn xe G.M.C. chở đầy binh sĩ đang tiến lại, trên xe mấy tù binh gục đầu bên những lưôi lê sáng lạng. Giòng tin chiến sự từ các ống loa trong cổng đơn-vị được vọng vào trong làng.

« Đêm qua các tiểu đoàn địch quân từ bên kia đồi tràn xuống. Quân ta đã anh dũng đẩy lui. Địch để lại chiến trường một số xác chết và một số bị bắt. Quân ta có năm chiến sĩ hy sinh và nhiều anh em bị thương nhẹ ».

Một cảm giác rộn rộn chạy khắp cả châu thân Hạnh, nghe niềm cảm xúc dâng đầy khó tả. Hạnh đang nghĩ đến những dòng nước mắt cùng mặn... Những mảnh đất không đủ che lấp tấm thân người ngã gục... Những con người của đất nước chết không có được một nén hương ấm mờ. Chao ôi! là chưa

xót.

Có tiếng gọi Hạnh bên ngoài A! có lẽ Thạch đã về! Rồi một giọng nói lạ hoặc mà tất nghẹn.

— Mời bà vào trại gấp. Ông nhà đã. . .!

Con đường trở nên lồi lõm dưới bước chân xiêu, thẳng Tân khóc thét lên đôi đoạn trong tay mẹ... Một vài khúc mắt nhìn Hạnh ái ngại. Hàng cây trước mặt chao động lao đảo theo bước chân nàng.

Thạch đây rồi, Thạch của Hạnh, của bé Tân đang nằm đây. Đôi mắt nhắm nghiền triển miên trong giấc ngủ, giấc ngủ của Thạch im lặng như đi vào thế-giới của siêu tịch. Xung quanh Hạnh có nhiều tiếng khóc bật lên cao, vật vã, của những người bạn đồng đội với Thạch. Hình như Hạnh không còn tin chồng nàng đã chết... Hạnh nhào đến thẳng thốt kêu gào.

Thạch ơi! Thạch ơi!

Thạch không còn nghe tiếng rên rỉ của mẹ con nàng, Thạch đã đi rồi! Thạch bỏ lại mẹ con nàng để tách hồn vào thế giới hư vô thế giới mà không sầu đau hận tủi.

Thạch ơi ! Thạch ơi !

Thạch ngủ đây à ?... A ha !...
Thạch giận Hạnh rồi phải
không ? Sao Thạch im lặng
thế ?

Thạch ơi ! Thạch ơi !

Ừ, mới hôm vào đây.
Thạch vừa nói với mẹ con nàng.
« Chúng mình sinh ra nhằm
thời loạn. Chiến tranh lôi kéo
nhau vào biển máu. Thù hận
chết chóc, chia rẽ thù hận.
Sau này bé Tân lớn lên, chúng
mình phú thác cho Đạo, trưởng
thành trong giáo pháp Đức
Phật con người sẽ bớt thù
hằn lẫn nhau ».

Đức Phật !... Đức Phật ơi !
Ngài sao mà vui vợi... Cao
xanh ơi ! Sao đành ngồi đi trước
thảm cảnh. Hà Hà... Chiến
tranh ! Nước mất ! Máu lửa !
Ta thù mi tràn đầy tâm khảm...

Mất Hạnh nhòa đi ràn rụa...
Nàng gục xuống bên cạnh xác
Thạch rền rĩ. Lâu lắm... Nàng
nghe hồn mình chao động, chới
với có ai dẫn lấy bé Tân trong
tay Hạnh. Nàng nghe tiếng
khóc của con bật lên cao... rồi
nhỏ dần... nhỏ dần... — Một
cảm giác rồi bỗng như lịm chìm.
Từ dưới cùng dãy trại một
tiếng hát nghẹn ngào đưa lên
rồi dứt quãng...

« Ai gây sầu đau... Xin trên trời
cao... Người thôi... gieo oán..

Cho đất nước bình an... Đức
Tin soi cùng như... ánh vàng..
Người người... thương yêu.. »

Buổi chiều chậm xuống trong
màu tím thương đau, vạn vật
rũ mình chìm sâu trong cõi
Tĩnh. Bàn tay ai vừa đặt lên
trán nàng. Hạnh vừa ngửi thấy
mùi éther đầu đầy thoảng thoảng
với mùi trầm hương ngào ngọt...

Bây giờ thì Thạch đã tách
hắn với hiện tại. Thạch nằm
yên lặng trong ngôi nhà đồ lịm
không có ánh sáng hơi mây...

Ngoài phòng, qua làn khói
mỏng của trầm hương quện
tỏa, cửa những vành khăn tang
trắng nuốt của những tấm y
vàng sáng rực. Lờ lình A-Di-
Đà Tĩnh-độ lên cao... cao mãi..
địu dần... chậm rồi trầm hẳn :

« Chúng con khổ nguyện
xin cứu khổ.

Chúng con khổ nguyện xin
tự độ ».

Hạnh cũng vừa quì xuống
nàng quì rất lâu dưới chân
Đức Phật xung quanh nàng
biển vàng Tĩnh thương đang
kết tụ. Trên cao, Đức Phật
mỉm cười. Nụ cười im lặng
mà sống động vạn tâm hồn.
Vũ trụ cũng im lặng để thể
nhập trọn vẹn Giáo Pháp vi-
diệu Phật Đà,

Viết giữa mùa quê hương quân quai

TÌNH THÂN CỎ I MỎ

của THÍCH-MÃN-GIÁC

Đọc lịch-sử Nhật-bổn vào thời-đại Edo (江戸 Edojidia 1603-1853) chúng ta thấy không khác gì lịch-sử Ấn-độ khi bị dân-tộc Aryan chinh-phục và chia dân-tộc Ấn ra thành 4 giai-cấp: Brahmana (bàlamôn), Ksatrya (Sát-Bế-lợi), Vaisya (Phệ-Xá) và Soudra (Thủ-Đà-La). Trong triều-đại Edo, cũng tương-tự như thế, xã-hội Nhật được chia thành 4 đẳng-cấp: Sĩ, Nông, Công, Thương và giống Ấn-độ ở chỗ cũng rất khắt khe vậy. Võ-sĩ là giai-cấp lãnh-đạo duy-nhất, trong lúc đó nông-dân, lao-công và thương gia là thứ-dân phải tuyệt-đối phục-tùng giai-cấp võ-sĩ.

Tại Ấn-Độ, ngoài 4 giai-cấp được quy-định trong thành-phần cơ-cấu xã-hội ra, còn có thêm một chủng-tộc nữa là Pariahs (Ba-Ly-A). Chủng tộc Pariahs này không được sắp hàng trong các giai-cấp vì thuộc chủng-tộc bần-tiện, để cho bề trên sai khiến. Tại Nhật, ngoài bốn giai-cấp Sĩ, Nông, Công, Thương ra, cũng còn có một hạng cùng-dính nữa, mệnh-danh là Bần-Dân. Hạng « dân ngu khu đen » này, theo pháp-luật của xã hội dưới thời đại Edo không được phép trở thành người của bốn giai-cấp trên; và cũng y như thế, 3 hạng: Nông, Công, và Thương cứ suốt đời phải ở nguyên trong tình-trạng chủng-tộc mình chứ không bao giờ được bước vào dòng-họ Võ-sĩ,

Nhưng ở Ấn-Độ, ngay trong thời-đại 4 giai cấp đang thanh-hành lại giáng-sinh một đức Phật, một Ngôi Sao cách mạng duy nhất của Ấn-Độ đã mang lại cho dân-tộc của xứ này một nếp sống bình-đẳng, một tinh-thần cởi mở tự-do, mà trước đó họ yên phận sống trong thành, tri luật-pháp bất-công. Cũng trong thời đại Edo của Nhật-dưới một xã-hội phong-kiến nghiêm-khắc, dưới một chánh-sách bế-quan tỏa-cảng, tuần tự xuất-hiện nhiều tư-tưởng gia tiến-bộ trong các tầng lớp thứ-dân, và chính các nhà tư-tưởng này đã làm nền tảng cho công cuộc duy-tân xứ sở của Minh-Trị Thiên-Hoàng. Đại-biểu cho những tư-tưởng gia tiến-bộ này, chúng ta có thể nói đến phong-trào « Chomin Bungaku » (Văn-Học Thường-Dân) mà hai Ông : Chikamatsu Monzaemon và Ông Ihara Saikaku là những người rỗi tiếng nhất trong phong-trào đả-phá giai-cấp.

Rồi theo bánh xe thời gian chuyển-biến, cánh cửa lịch-sử của nhân-loại được mở rộng ra cho mọi người đặt chân vào, và lịch-sử của nhân-loại cứ theo cái đà ấy mà tiến lên. không có một sức mạnh nào, hay một quyền-uy tuyệt-đối nào có thể cản lại bước tiến của lịch-sử. Do đó, bây giờ chúng ta nhìn vào xã-hội Ấn-Độ và Nhật-Bồn ngày nay, — đặc biệt là Nhật-Bồn — cái thành-trị giai-cấp của xã-hội trước dựng lên như đã biến tan từ hồi nào, không còn một vang bóng trong xã-hội loài người tiến-bộ hôm nay.

Nhìn vào sự chuyển biến của thời-gian, con người của thời-đại hôm nay cần phải cởi mở. Phải cởi mở thực sự để có thể thông-cảm qua nhau, đứng với nhau trên cái thế cả hai bên đều có thể đối-thoại. Như chúng ta đã thấy, trước lịch-sử không có gì tuyệt-đối. Mọi sản-phẩm văn-hóa, xã hội... đều biến-chuyển theo thời-gian, như cây cỏ núi sông đều phải đổi màu sắc theo thời tiết.

Ngày trước, dưới chế-độ đàn-áp Phật-Giáo của Ngô-dinh-Diệm, trên báo Đại-Học xuất-bản ở Huế, Giáo-Sư Nguyễn-Văn-Trung đã kêu gọi đối-thoại. Sau này, trên tuần-báo Hải-Triều-Âm xuất-bản ở Sài-gòn, Giáo-Sư Thích-Nhất-Hạnh cũng đề-nghị đối-thoại. Nhưng cả hai lời kêu gọi trên đều đã rơi vào sa-mạc không đem lại một âm-vọng nào. Chỉ vì giữa chúng ta chưa có một thái-độ cởi mở.

Trong khi đó ở Tây-Phương, đặc-biệt là Hoa-Kỳ, chúng ta thấy họ rất cởi mở. Họ không chìm đóng khung trong một nếp tín-ngưỡng keo sơn. Họ thích đi vào các thế-giới mới lạ của các tôn-giáo khác để khám phá, học hỏi và cùng nhau trao đổi trên một tinh-thần khoáng đạt, thoải mái. Hằng năm biết bao nhiêu giáo-sư, học-giả Âu-Mỹ đến Nhật để học hỏi Phật-Pháp, Hôm 25-6-65 vừa qua, một phái đoàn gồm có 58 người của Đại-Học-Đường Yale của Hoa-Kỳ đã đến Nhật, ngày đầu tiên họ đến Kyoto là chiêm-bái chùa Myoshinji, tối lại ăn cơm chay với các món ăn Zen, nghe Giáo-sư Munon Yanada, Viện-Trưởng Viện Đại-Học Hanazono thuyết-pháp và tất cả đã toa-thuyền trong một giờ đồng hồ. Chúng ta đừng nghĩ rằng tất cả 58 người của Đại-Học-Đường Yale đều là Phật-Tử. Họ có thể là có nhiều tín-ngưỡng khác nhau, chưa ai là một Phật-tử. Nhưng với tinh-thần cởi mở và tự do, họ không câu nệ trong một nếp tín-ngưỡng gò bó, chật hẹp, nên họ có thể ngồi toa-thuyền trong một giờ đồng hồ như một Phật-Tử chính-cống.

Cũng vì tinh-thần cởi mở này, báo Thiện-Mỹ số 21 có đăng tin *những lá cờ Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo phất-phới bên cạnh nhau*, khi viện Đại-Học Evanston của Hoa-Kỳ đã cử-hành lễ mời Đại-Đức W. Rahula làm Giáo sư tôn-giáo cho Đại-Học này. Một tờ báo khá danh tiếng của Cơ-Đốc, nhan đề « The Christian Science Monitor » xuất

bản tại Hoa-Kỳ, dưới thời Ngô-Đình-Diệm đàn-áp Phật-Giáo cũng đã từng in nhiều bài bênh vực Phật-Giáo Việt-Nam, ngay cả bức thư tố-cáo Ô. Diệm của Thầy Nhất-Hạnh cũng được báo này cho ấn hành.

Tại Nhật-Bồn, ảnh hưởng cái nếp sống khoáng-dạt đó, mặc dù tín đồ Phật-Giáo đại đa số, nhưng vẫn chung sống hiền-hoà với các tôn-giáo khác. Rõ ràng nhất, trong tổ-chức Quốc-Tế Tôn-Giáo Nghiên-Cứu Sở (The International Institute for the Study of Religions) mà tôi là một hội-viên, tôi đã từng thấy các Giáo-sư đại-biêu đủ các tôn-giáo khác ngồi đàm-đạo với nhau rất thân mật, và ngoài tín ngưỡng của mỗi cá nhân ra, họ còn thông-cảm nhau qua tình người.

Thế nên, khi Rev. Riri Nakayama, Trưởng-Phòng-Phật-Giáo Quốc-Tế Nhật-Bồn sang La-Mã, đàm-đạo với Giáo-Hoàng, với tình thân-thiện và ngoại-giao, Giáo-Hoàng đã gửi một bức thông-diệp đến thăm dân-tộc Nhật-Bồn nói chung, tín-đồ Phật-Giáo Nhật-Bồn nói riêng đề kết tình thân-hữu giữa hai tôn-giáo huynh-đệ cùng nhau bảo-vệ hòa-bình cho tất cả. Nội-dung của bức thông-diệp có nhiều đoạn, báo Liên-Hoa số 5 chỉ lục ra một đoạn ngắn này: ... « and that they will desire to seek in Christianity those many good teachings which may enrich ever more their thought and their life. » Và khi đọc đoạn trên, khiến một số Phật-Tử ngạc nhiên, hỏi tôi về bức thông-diệp này Sau khi ở La-Mã về, Rev. Riri Nakayama đã cho ấn hành bức ảnh chụp chung giữa Giáo-Hoàng với Rev. Riri Nakayama cùng với bức thông-diệp, nhưng từ dạo ấy đến nay chưa thấy có vị Tăng-Sĩ Nhật-Bồn nào sang La-Mã học giáo-lý, mà ngược lại có nhiều vị Linh-Mục sang Tokyo để học Phật-pháp. Tại Đại-Học Đông-kinh có

hai vị Rev. Julian Lopes Alvares và một vị khác người Đài-Loan tên là Cảnh-Đại-Kế hiện đang học Phật-Pháp qua triết-học Ấn-Độ tại Đại-Học-Đường Đông-Kinh và cả hai vị đều lưu-trú tại Học-Xá Giáo-Sur của Viện Đại-Học Sophia (Thượng-Trí Đại-Học).

Đất nước chúng ta trải qua hơn 20 năm khói lửa bao nhiêu người con yêu của Tổ-quốc đã vì màu xanh và màu đỏ, hay không vì một màu gì hết nhưng bị lôi cuốn vào vòng khói lửa, họ đã chết với niềm đau khổ trong lòng. Ngồi trong lòng đau khổ của dân-tộc, nữ nào chúng ta không buộc vết thương cho nhau, mà lại còn xách dao xách mác chạy vào phố xá hay trong làng xóm để chém giết những người vô tội? Tình thương, lòng trắc-ân, lòng bác-ái để vào đâu? Trong chúng ta, nếu ai còn tình nhân loại, khi hay tin Ông Hội-viên Cảnh-Sát xã Cầu-Lòn đã bắn một em Phật-Tử (Liên-Hoa số 5, trang 45) chết vô cớ, lòng có quặng đau không?

Ước mong sao những người có tín ngưỡng của Việt-Nam sẽ bắt chước lối sống khoáng-đạt, đầy cởi mở của người Âu-Mỹ, đề cùg nhau gặp gỡ trên tinh đồng-bào, trên niềm thông-cảm tương-thân, hầu hàn gắn một phần nào đau khổ cho đất nước tang tóc, khi chúng ta đã thấy rõ kiếp sống của con người không có một thành-trị xã-hội nào cố định, bất di bất dịch, mà nó luôn luôn biến chuyển không ngừng qua thi-gian. Chúng ta nên rửa sạch mọi thành-kiến cố-hủ để đưa nhau đi đến ngổ thông-cảm, tạo nên một tinh-thần cởi mở rất cần thiết trong giai-đoạn hiện tại.

— làm cho đay thường không gì hơn lo buồn, bấn tên hại người không gì bằng ngu-si, không thể lấy sức mạnh gì trừ diệt hai nỗi khổ ấy được; chỉ có học nhiều mới có thể trừ diệt. Người mù sẽ nhờ học mà có mắt, người tối sẽ nhờ học mà sáng suốt, nhờ học mới có thể chỉ đường; có học như đem mắt cho người mù. Vậy phải rời bỏ ngu-si, xả lòng kiêu-mạn và sự an hưởng giàu-có. Chuộng học nghe nhiều, gọi là nhóm hợp công-đức.

Kinh PHÁP-CỦ THÍ-DỤ

— Nỗi khổ bị thiêu trong ba đường dữ, nỗi khổ con lạc-đà con lừa chở nặng, nỗi khổ đói khát áp bức của loài quỳ đói, chưa gọi là khổ; si-mê không học, chẳng biết hướng đi, mới gọi là khổ.

Kinh SA-DI THẬP-GIỚI

— Các Thầy Tỳ-kheo, nếu có trí-tuệ thì không tham trước, thường tự soi sáng, tránh khỏi các lỗi lầm, ở trong chánh-pháp của ta, người ấy có thể giải thoát. Nếu không như vậy thì chẳng những không phải là người xuất-gia, lại cũng không phải là người thế-tục, không biết gọi là gì.

Kinh DI-GIÁO

THÍCH-MINH-CHÂU dịch

và nước mắt chúng sanh

ĐỨC-THƯƠNG

«TÔI đến Long-hòa vào một chiều nhạt nắng, khi bụi chiến-trường còn bám đầy trên nếp chinh-y. Thế rồi một sớm ngang qua ngôi trường xinh-xắn nhìn đàn học-sinh vui tươi nhảy múa trước sân trường lòng tôi rộn lên những kỷ-niệm thuở ấu-thời. Ngai-ngừng bước vào trường tôi được các cô niềm-nở đón mời và ngay buổi đầu Lan-Anh đã dành cho tôi nhiều thiện-cảm. Hôm nay tôi lại được hân-hạnh ghi lại trong quyển lưu-niệm này một cảm-ngiht.

Nói đến hè, tôi không khỏi liên-tưởng ngay đến những cánh hoa học trò. Hồi còn đi học chúng tôi lại tinh-ngịch vì những cách phương rơi như những giọt máu của những con tim tan-vỡ vì tình, vì mỗi lần hè đến là biết bao nhiêu cuộc chia-ly.

Nhưng rồi, thẳng con trai của thời loạn đã xếp bút-ngiên, đem thân ra trận tuyến. Đã ba năm qua, lẫn-lóc ngoài sa-trường, tôi không còn được thấy huyết phượng rơi nữa mà chỉ thấy những giọt máu đào rơi trên chiến địa. Máu của quân thù ư? Máu của đồng đội ư? Máu của thù hay đồng-đội cũng đều là máu của đồng bào ta cả Lan-Anh ạ. Có đau đớn không Lan-Anh? Trong cuộc chiến này, chúng tôi chỉ là người tự-vệ thì biết làm gì hơn! tự-vệ cho bản thân cho gia-đình và cho quê-hương xứ-sở.

Lan-Anh thuộc tôn-giáo nào nhỉ? có lẽ câu hỏi này

không cần-thiết vì tôn-giáo nào lại không dạy người «tình thương», chỉ trừ khi vô tôn-giáo. Tôi thì Phật-giáo đó Lan-Anh ạ.

Gặp Lan-Anh giữa mùa ly-loạn đề rồi lại xa Lan-Anh vì bước chân người lính chiến còn phải đặt lên khắp chiến trường. Khi thôn xóm chưa được có những chuỗi ngày an-lành thì chúng tôi vẫn còn nhiều vất-vả gian-nguy.

Sau ba tháng hè Lan-Anh trở lại với đám học trò ngoan-ngoãn dưới mái trường êm-dềm của Long-hóa này, không biết có những phút nào Lan-Anh nhớ lại hình ảnh một chiến binh trên bước quân-hành đã dừng lại nơi đây trong thời gian ngắn và để lại đây những tình-cảm chơn thành. Còn tôi, dù chinh-chiến vẫn không quên nơi ngôi trường kia có một cô giáo dịu-hiền và đằm-chiêu đang tận-tụy dìu-dắt một đoàn trẻ. »



Lan-Anh ngồi thần-thờ trước trang nhật-ký. Chính nàng cũng không biết được lòng nàng có yêu người chiến-binh trẻ tuổi và lịch-thiệp ấy không? nhưng giờ đây nàng cảm thấy buồn vô-hạn như vắng đi một kẻ thân yêu,

Một điều làm cho Lan-Anh tư-lự nữa mà trước đây chưa bao giờ nàng nghĩ tới là cái câu hỏi «Lan-Anh thuộc tôn giáo nào nhỉ». Nàng cảm thấy hồ thẹn mà nhận rằng: mình theo Phật-giáo. Thật ra, ba má Lan-Anh là Đạo Phật thì đương nhiên nàng cũng là Đạo-Phật nhưng nàng có hề đặt chân đến một ngôi chùa nào đâu! Nàng đã xem như việc lễ bái là việc của người lớn không có dính-liu gì đến mình. Nàng cũng không hề tham-gia một công-tác Phật-sự nào như những học sinh Phật-tử khác. Thậm chí thói Pháp-nạn nàng cũng đứng-dưng không quan-tâm gì đến.

Rồi nàng tự nhủ: « Không thể được, mình phải là một tín-dồ Phật-giáo theo truyền-thống của gia-đình và để được cùng chung lý-tưởng với người con trai mà mình dành tất cả sự cảm-mến đầu tiên »

Bỗng đôi bàn tay mát rượi bịt kín cặp mắt nàng nhưng rất nhanh, đôi tay ấy lại buông ra ngay.

— Sao thế Lan-Anh ?

— Ôi ! Minh-Thu làm mình thất kinh.

Nhìn chòng-chọc vào trang lưu-niệm đang dờ ra trước mắt Lan-Anh, Minh-Thu ranh mãnh :

— Thôi ! Lan-Anh lâm vào vòng khổ lụy rồi.

— Thu dùng danh-từ chi mà nghe như cái-lương vậy.

— Thật đấy chứ, nước mắt của Lan-Anh làm ướt cả tay mình đây này. Thôi, đi xem xi-nê với tụi này cho giải sầu, con Phượng đang chờ đấy.

— Minh khổ lắm Thu ạ.

— Thì mình biết Lan-Anh đang khổ chứ sao nên mới rủ Lan-Anh đi xi-nê cho giải sầu. Không khổ sao được khi người mình yêu lại phải xa cách, không được sống gần nhau. Nhưng cái khổ của Lan-Anh đã thấm vào đâu, trên đời này còn nhiều cái khổ nữa. Ngày trước đức Phật đã nói: « Nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước trong bốn bể đại dương ». Nếu không có khổ thì tụi mình thành tiên cả rồi, Thế gian không có khổ thì đâu có đức Thích-Ca thị hiện xuống cõi ta bà này.

— Trời ơi, mầy dùng những câu gì mà tao nghe như một Ni-cô thuyết pháp vậy.

— Lan-Anh mới cho mình đóng cái lương đó mà bây

giờ lại cho mình đi tu rồi, nhưng Lan-Anh đã đi nghe thuyết pháp lần nào chưa mà biết là như một Ni cô thuyết pháp. Ni cô thuyết pháp lời nói từ hòa chữ đâu có «ba lia» như tụi mình ri. Thôi, buồn mà chi Lan-Anh, đã ở trên thế gian này thì phải khổ. Lan-Anh thấy không? Hồi phong trào đi guốc cao gót bắt đầu phát hiện mình cũng phải khổ sở lắm mới xin được tiền mua đôi guốc để diện cho đúng thời trang chứ mình đã lùn rồi, đi đôi dép thêm lùn tẹt. Thế rồi khi có đôi guốc cao gót mình nhiều khi phải chảy nước mắt, đi qua mấy con đường hẻm lỏm chổm đá. Những lúc đi bộ một khoảng xa, máu tụ xuống mấy ngón chân thật ê ẩm, ước chừng muốn xách guốc lên mà đi chân không.

Trông thấy anh chàng có đôi giày láng bóng mình đoán rằng anh ta sung sướng và hãnh diện với đôi giày, nhưng biết đâu anh ta phải khổ sở vất vả từng bước kéo sọt mau hư, vì anh phải nhịn ăn buổi sáng hơn một tháng trời để đóng đôi giày ấy mà «đi xin việc làm» kéo các chủ hàng, chủ tiệm họ thấy đôi giày hở mỏ họ khinh khi. Đó mới chỉ là những ví dụ nhỏ nhất.

Trong hai mươi năm khói lửa chúng mình đã chứng kiến bao nhiêu cảnh tang tóc khổ đau. Nạn bão lụt miền Trung hồi năm ngoái cũng đã gây ra bao nỗi đớn đau sâu thẳm.

Cách đây trên hai mươi thế kỷ đức Phật đã nhận ra sự khổ của thế gian. Ngài đã hệ thống hóa một cách rõ ràng gọi là «khổ đế», nghĩa là sự thật về cái khổ, căn cứ trên thực tiễn, lý luận vững chắc, không ai có thể phủ nhận được. Tất cả có đến tám thứ khổ: sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tăng hội khổ, và ngũ ấm xi/thạnh khổ.

— Thôi! Thôi! Giảm bớt tốc độ lại một chút họa

mày Lan-Anh này có thể lãnh hội được. Chứ thao thao bất tuyệt lại dùng toàn danh từ Phật-giáo mình chưa hề được nghe thì làm sao mình hiểu nổi.

— Có gì đâu, những nỗi đau đớn trong lúc thai nghén sinh đẻ của bà mẹ và cả những sự khổ sở suốt trong đời sống của chúng ta kể từ khi mới lọt lòng gọi là « sanh khổ ». Ngay khi mở mắt chào đời đứa trẻ đã phải nhận lấy sự khổ rồi, không quen với áp suất, khí hậu bên ngoài sau chín tháng trời bưng bít tù túng trong cái bào thai. Khi đói cũng không nói được để mẹ biết mà cho bú, chỉ có khóc la. Lớn lên, con người cần thêm nhiều nhu cầu khẩn thiết, cơm áo nhà ở... Có người đem hết sức mình làm lụng vất vả mà vẫn thiếu ăn, thiếu mặc, không có được một túp lều để tránh nắng che mưa. Người giàu có cũng vẫn khổ, phải thức khuya dậy sớm, buồn bán tảo tần, lo nghĩ những kế hoạch kinh tài, có khi lo sợ hàng hóa ứ đọng, mất giá... có người ngày đêm phải vui đầu vui óc trong các công việc của mình. Họ còn không yên tâm, lo sợ trộm cướp v.v... Học sinh cũng phải cặm cụi với bài vở đêm ngày mài miệt, còn gặp phải nhiều sự khó khăn. Ngay trên trường đời con người cũng thường gặp những thất bại chua chát, bị phỉnh gạt áp bức thù ghét, khinh bỉ, lắm lúc còn phải chịu nhiều điều nhục nhã. Đã có sự sống tức phải có sự khổ rồi.

Đến khi già nua lụm-khụm, càng ngày càng suy-yếu, mắt mờ tai điếc, răng rụng, ăn nhai không được, đau nhức thân-thể. Có người nằm một chỗ mà đại-tiên, tiểu-tiên thật là dơ-bẩn. Phần đông lại đặng-trí, nhiều khi có những cử-chỉ như ngây dại, nói-năng nhảm-nhĩ và sinh tánh chướng, chưởi-bới rầy-rà.

— Mình cũng thấy nhiều người già họ khổ lắm, không làm gì được phải nhờ-vã vào con cháu nhưng lại sinh tính khắc-nghiệt chưởi rửa om-sòm nên con cháu lại tránh

xa. Ít có người con người cháu nào có thể nhẫn-nhục chịu đựng một cách vui-vẻ, phần nhiều họ bỏ phở hay ít ra cũng nói nặng nói nhẹ, nhất là các « mụ dâu ».

— Cái khổ khi về già ấy gọi là « lão-khổ ». Rồi khi đau ốm cơn bệnh hành-hạ xác thân. Lan-Anh có lần nào vào bệnh-viện chưa ? Các bệnh-nhân rên-la dẫy-dụa thấy mà khiếp. Đó cũng là một thứ khổ thứ ba. kinh hãi nhất là... là khi « chết »

— Chao ôi ! Thôi đừng kể nữa Minh-Thu (Lan-Anh rùng mình, bảo Minh-Thu).

— Lan-Anh có sợ cái chết thì cái chết vẫn đến với tất cả mọi người và ngay cả Lan-Anh nữa. Đến giờ phút tranh giành với tử thần ấy Lan-Anh sẽ thấy ngọt thỏ vô-cùng rồi trợn mắt, giật gân, miệng không còn rên-la được nữa. Toàn thân lạnh dần... lạnh dần cho đến hồi tắt thở.

— Thôi đừng nói nữa Thu ơi ! ghê sợ quá !

— Những người bị phung hủ đau khổ biết chừng nào mà vẫn nuôi tiếc sự sống thì Lan-Anh thấy cái chết còn đau khổ đến bao nhiêu ! Con người sắp chết tâm-thần rối loạn, hốt-hoảng vô-cùng. Đau-dớn khi phải « vĩnh-biệt » mọi người thân yêu, Tử-khổ là vậy. Không những người chết khổ mà những kẻ thân quyến còn sống cũng xót xa đau dớn, có người tuyệt-vọng muốn chết theo. « Tử-biệt » đã khổ rồi mà « sinh-ly » cũng khổ không kém mấy. Như Lan-Anh yêu cái anh chàng viết lưu niệm cho Lan-Anh đó mà không được gần gũi nhau, phải xa cách chia lìa, Lan-Anh phải thần-thờ khóc lóc. Chàng trai ấy cũng chỉ mới quen biết, có đôi chút cảm tình thôi, còn những người thân yêu nhất đời như cha mẹ, vợ-chồng, anh em, vì hoàn-cảnh phải xa lìa nhau thì đau dớn xót thương biết chừng nào ! Cái khổ ấy gọi là « Ái biệt-ly-khổ ».

Thế là mình vừa mới trình-bày với Lan-Anh năm thứ khổ còn ba thứ khổ nữa là « cầu-bất-đắc khổ » « oán-

tăng hội khổ» và «ngũ-ấm-xi-thạnh khổ» có dịp mình sẽ nói tiếp cho Lan-Anh nghe.

— Lúc này sao Minh-Thu tỏ ra am-hiếu và say sưa với giáo-lý nhà Phật vậy?

— Lan-Anh dùng chữ «say-sưa» là không đúng đấy nghe! giáo-lý đâu phải là một thứ rượu mạnh. Say tức là không tỉnh mà không tỉnh nghĩa là mình tin bậy ư? Tin Phật phải tin bằng lý-trí sáng-suốt.

Độ này mình thường hay đến nghe giảng Phật-pháp ở Viện Hóa-đạo vào sáng chủ-nhật. Mình đã thích đi chùa đi nghe giảng giống như thích đi xi-nê vậy.

— Nhưng có lẽ rồi đây Minh-Thu sẽ thích nghe giảng Phật-pháp hơn cả xi-nê.

— Chắc-chắn sẽ đến thời kỳ đó và cũng sẽ có lúc mình chỉ còn thích đi nghe giảng mà thôi.

— Thế bữa nào có thuyết-pháp Minh-Thu dẫn mình đi chùa với nhé!

— Vâng, mình sẽ đến kéo Lan-Anh đi, như những lúc kéo đi xi-nê vậy.

— Mà Đức Phật nhận-thức cái khổ của cuộc đời rồi có cách nào giúp cho nhân-loại thoát khổ không?

— Có chứ, nếu không thì làm sao gọi là Phật được. Đức Phật không những nhận thức cái khổ mà còn tìm ra nguyên nhân của cái khổ nữa.

— Tìm ra nguyên-nhân của cái khổ nữa à? Kỳ diệu thật!

— Một nhà bác-học chế ra một thứ thuốc để trị một bệnh gì, trước hết phải biết nguyên nhân của bệnh đó đã chứ. Nguyên nhân của khổ-đau, theo đề-mục đức Phật thuyết-minh gọi là «Tập-đế». Nhưng thôi, hôm sau chúng mình sẽ có dịp đàm-đạo, chứ thì đi xi-nê kéo con Phượng nó đợi lâu, nó rên đấy.

NHỚ THẦY

B.S. HOÀNG-VIỆT-SƠN

Sau bao năm xa cách,
Về thăm thầy một đêm.
Đèn hoa màu tương ngộ,
Trăng lạnh giãi quanh thềm.

★

Mắt nhìn mắt bờ ngõ
Giữa đôi lòng nón nao.
Nhắc chi mùa pháp nạn
Quê mẹ đắm máu đào?

★

Ôi Tình-thương cao cả!
Muốn trọn vẹn ước nguyện,
Thầy hy-sinh tất cả,
Ung-dung vào xà-lim.

★

Say bài ca Vô-úy:
Đạn thù không lung lay!
Ngục tù không chuyển hướng!
Vàng son, ôi! bóng mấy!

★

Ngày nào lửa căm hờn
Còn lan trên quả đất,
Suối Tì-bì vô lường
Tươi mãi lòng Nhân-loại.

Ngày bao tàn sụp đổ,
Cách-mạng: triệu người hò!
Cánh cửa tù rộng mở,
Thầy đi rợp bóng cờ!

★

Thầy là những vì sao,
Ánh đạo vàng năm cánh,
Dẫn nhân-loại trên tàu
Đang đổ về bến giác!

★

Tình thương và Đau khổ,
Sao cứ mãi oán thù?
Hoa tàn trong bão tố,
Tình thương chói thiên thu.

★

Sân chùa im tiếng súng,
Chân thù không bước qua,
Nghe kinh Thầy đêm tối:
— Ôi! Cuộc đời là hoa!

HOÀNG-VIỆT-SƠN

(trích tập MÙA HOA ĐẠO tập 1
tức KHÔI HƯƠNG TRẦM sắp in)

VIỆC TÔI LÀM KHÔNG QUAN TRỌNG

BẠN hãy nghĩ lại một tí. Hãy nhìn lui lại trong đời sống của bạn. Bạn không thấy hiện ra trong tâm trí hình ảnh của một người đã giúp đỡ rất nhiều cho bạn hay sao? Bạn không thấy hình ảnh của một ông cha hay một bà mẹ mà tình yêu và sự săn sóc thường xuyên đã tạo nên tánh tình cho bạn hay sao? Bạn không thấy hình ảnh của một giáo sư đã hiểu bạn và đã khuyến khích bạn nên cố gắng trong lúc bạn suýt bỏ việc giữa đường hay sao? Bạn không thấy hình ảnh của một người chủ đã nhận thấy khả năng của bạn và đã mở con đường thành công cho bạn hay sao? Bạn không thấy hình ảnh của một người hàng xóm họ đã tỏ thái độ kính nể đối với bạn và đối với người nhà bạn hay sao? Thái độ ấy đã làm cho bạn cảm thấy khi ở hàng xóm bạn cũng được thích thẳng như ở nhà bạn vậy? Bạn không thấy hình ảnh của một người xa lạ mà sự giúp đỡ bất ngờ của họ đã đến với bạn kịp thời hay sao? Việc làm của những người nói trên đã ảnh hưởng đến đời bạn, kỷ niệm ấy không chứng minh rằng thái độ của bạn cũng có thể ảnh hưởng đến số phận của những người mà bạn gặp ở gia đình, ở nơi bạn sinh hoạt, bất cứ nơi nào mà bạn đặt chân đến hay sao? Vậy sao chúng ta thường có cảm giác là « việc chúng ta làm không quan trọng ». Ở đây chúng ta có điều ngộ nhận mà người đời thường mắc phải. Chúng ta có một nhận xét sai lầm đối với việc thiện. Chúng ta cứ tưởng rằng những việc thiện đáng kể là việc người ta làm trong những lúc gian nguy, bấy giờ trường hợp phi thường đã đòi hỏi một sự cố gắng đặc biệt. Nhưng những trường hợp

ấy rất hiếm; trái lại, những dịp ta có thể làm cho đời sống của kẻ khác được tươi đẹp hơn lại đến với chúng ta luôn luôn.

Chúng ta chỉ cần nhớ rằng bất cứ lúc nào, bằng trăm nghìn lối khác nhau, với niềm thông cảm, với lời khuyến khích lời dạy bảo, với cảm tình của chúng ta, chúng ta có thể làm cho kẻ khác được thoải mái về tâm trí cũng như kẻ khác đã làm cho tâm trí ta được cởi mở.

Chúng ta nên nhớ rằng không có việc thiện nào là tầm thường cả. Điều ấy chỉ cần mở mắt ra là thấy ngay.

Ở gia-đình : Không cần có một cử chỉ trọng đại như thế này hay như thế khác mới làm cho bạn trở thành những người cha mẹ tốt để đào tạo nên bản lãnh của con cái và xây dựng một gia đình có hạnh phúc. Nhưng chính là trong một buổi đi chơi nhàn tản, bạn nghe người con bạn tâm sự và bạn nói chuyện với nó. Chính là gương tốt của bạn nêu lên hằng ngày: Lòng chính trực, đức vô-tư, những sự phê bình của bạn về giá trị đạo đức đối với những người mà bạn quý trọng. Chỉ có lòng tôn kính của bạn đối với cha mẹ mới làm cho con bạn có nết hiếu thảo. Chính là cách vợ chồng cùng khuyên nhủ lẫn nhau, trao đổi những nhận xét cho nhau, tìm mọi dịp để tỏ cho nhau lòng tương kính tương ái. Có một điều bạn có thể tin chắc là ở trong gia đình không gì có thể thay thế được sự hiện diện và tình yêu của bạn.

Ở nơi bạn sinh hoạt : Muốn tạo nên một nơi để sống được an lạc không chỉ cần phải có sự can thiệp của những nhà chuyên môn về cách sắp đặt chỗ cư trú, những cán bộ giáo dục, y tế, tất cả những hạng người để áp dụng pháp luật, nhưng còn cần một điều là bạn phải biết tiếp đến những người mới đến, bắt luận họ thuộc về giòng giống nào, vì mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; Bạn phải đòi hỏi cho con cháu họ những quyền lợi về giáo dục mà con bạn được hưởng; Nếu người hàng xóm bạn đau ốm hay sống

cô độc, bạn nên ân cần giúp đỡ họ, đây là sự giúp đỡ mà không hội từ thiện nào có thể thay thế được. Trong những cử chỉ hàng ngày của bạn, bạn nên đóng vai trò người lắng nghe mà bạn ao ước có.

Bất cứ bạn đi đâu: Ngày nay người ta đi du lịch nhiều không còn ở trong xó nhà như xưa nữa, nên người ta tiếp xúc đủ hạng người. Nhưng bất cứ bạn đi đâu, dù đi xa cho mấy bạn cũng sẽ gặp những người họ có những nhu cầu và hy vọng như người láng giềng gần gũi nhất của bạn. Như thế tại sao bạn lại không nghĩ rằng bạn nên tỏ vớì họ một thiện cảm mà bạn ao ước sẽ gặp nơi họ. Chúng ta nên kính trọng những điều dị biệt của họ và từ những chỗ bất đồng ấy nếp sống của đôi bên sẽ được phong phú hơn.

Trong thế giới luôn luôn biến đổi hình dạng của chúng ta ngày nay, có những thực tại căn bản không thay đổi và hơn bao giờ hết chúng ta không nên nói « *Việc tôi làm không quan trọng!* »

Theo SÉLECTION Février 1964,

HOÀI-MAI

CỤ NGUYỄN - KHOA - TOÀN

Pháp - danh Trùng - Giác, Hiệu Mai - Trang

là một trong những vị sáng lập Hội Việt-Nam Phật-Học Trung-Phần, Thân sinh quý Đạo-hữu Nguyễn-Khoa Việt-Anh và Nguyễn-Khoa Nam-Anh là bản báo biên tập viên, đã tạ thế ngày 19 tháng 8 năm Ất - Tỵ tại VI-Đạ Huố. Chúng tôi có lời phân ưu cùng tang quyến và thành kính nguyện cầu Chư Phật tiếp độ Hương - linh Cụ : Đấng bất-thối địa.

LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN

Ngọc Như - Ý

(tiếp theo số 5)

TIẾNG ĐÀN CỦA NGƯỜI MÙ

Đặt chân trở lại bờ cõi của thế giới Diêm-phù, Thiện-Hữu định tìm một người đề hỏi thăm tin tức của đoàn thủy thủ trước đây đã cùng đi với mình.

Kể đầu tiên mà Thiện-Hữu gặp là một người ăn mày đang rên xiết vì đói khát. Nhưng đến khi nhìn kỹ lại, thì người ăn mày chính là Ác-Hữu. Ác-Hữu cũng vừa nhận ra, mừng rỡ ôm lấy anh.

Thiện-Hữu lấy thức ăn cho em, gói áo mình choàng cho em. Ác-Hữu dần dần phục hồi sức lực rồi bắt đầu kể lại những việc đã xảy ra. Ác-Hữu nhắc lại chuyện đắm thuyền vì chèo quá nặng và các thủy thủ đều đã bỏ mạng giữa biển cả. Riêng Ác-Hữu may mắn bám vào một mảnh ván mà trôi được vào bờ, sau hai ngày nhin đói lênh đênh trên sóng nước :

— Chúng em đã mất tất cả châu báu và không muốn trở về hoàng thành trong sự tủi nhục nữa.

Thiện-Hữu bởi lòng thương xót

cho những người đã cùng đi một đoạn đường với chàng, thương xót vị lão tướng đã bỏ thân vì kiệt lực dưới chân dãy Kim sơn đến nghẹn ngào trong giây lâu. Đoạn nhả lại Ác-Hữu, chàng lấy lời an ủi :

— Châu báu đã mất nhưng thân mạng em còn là quý rồi. Và lại, anh đã tìm ra ngọc Như-Ý mang về đây thì công lao này là chung của chúng ta.

Ác-Hữu mừng rỡ như được tái sinh, vồn-vẻ báo anh cho được xem viên ngọc quý. Thiện-Hữu mở búi tóc, lấy viên ngọc đặt vào tay Ác-Hữu mà bảo rằng :

— Từ đây về tới kinh thành còn xa. Anh em ta hãy cẩn thận. Khi nào anh ngủ thì em sẽ thay anh mà giữ ngọc quý này.

Ác-Hữu ngẩng người trước ánh sáng huyền-diệu muốn màu phát ra từ viên bảo châu đến nỗi quên cả trả lời anh.

Một buổi trưa trời nắng gay gắt

Hai anh em ngồi nghỉ dưới bóng mát của một cây Bồ-đề lớn. Sau khi ăn uống xong, Thiện-Hữu tựa người vào gốc cây, nghỉ ngơi. Gió mát từ cánh đồng lồng lộng thổi. Đến phiên Ác-Hữu giữ ngọc Như-Ý nên Thiện-Hữu chẳng chút lo ngại nào, chàng ngủ một giấc say. Ngắm viên ngọc quý đang long lanh trong tay, Ác-Hữu bỗng đưa mắt nhìn chung quanh rồi nhìn Thiện-Hữu.

Một ý nghĩ xấu thoáng qua trong đầu. Ta sẽ làm chủ viên ngọc nhiệm mầu. Ta sẽ được ước muốn tùy ý!

Mọi người sẽ phủ phục dưới chân ta. Phụ-vương và Mẫu-hậu sẽ không dám coi thường công lao của ta.

Nghĩ xong, Ác-Hữu liền thi hành thủ đoạn tội ác của mình. Đưa em phân bột lấy hai thanh trúc vót nhọn, rồi dùng hết sức mạnh đâm thẳng vào đôi mắt anh. Ác-Hữu đã hành động nhanh chóng và khi nghe tiếng kêu than của anh thì hã đã băng xuống đường đi được một quãng xa, tự bảo thầm:

« Ta sẽ tâu với Phụ-vương và Mẫu-hậu rằng anh ta đã bỏ thầy cùng với hàng trăm thủ hạ khác giữa sông cả đại dương rồi! »

Trong khi đó thì Thiện-Hữu cố nín đau, ngồi dậy, quờ quạng gọi em:

— « Ác-Hữu ơi! Ác-Hữu em ơi! Kẽ cuóp đã đâm vào mắt anh rồi! »

Không có tiếng trả lời. Chỉ có tiếng gió đồng thời ào ào đấm lá rậm. Thiện-Hữu đứng lên, dò dẫm đi về phía Ác-Hữu ngồi nghỉ ban nãy, lòng đau như cắt:

— « Hay là em ta đã bị kẻ ác giết chết rồi. Ác-Hữu ơi! Ác-Hữu em ơi! »

Tiếng kêu đau đớn loang ra trong gió. Thiện-Hữu ngồi quỵ xuống chạm phải gói hành lý của mình. Gói hành lý của Ác-Hữu không còn nữa và bóng dáng Ác-Hữu cũng biệt tăm.

Lúc bấy giờ Thiện-Hữu mới chua xót mà nghĩ ra rằng:

« Thôi chắc em ta đã hại ta rồi! »

Lát sau, Thiện-Hữu nín đau rút mạnh hai thanh trúc, máu hồng ri-rả chảy ướt đôi mắt. Rồi chàng vác gói hành lý lên vai, quờ quạng bước đi.

Bỗng Thiện-Hữu nghe có nhiều tiếng chân thình thịch trên đường. Đoán biết là sắp có một đoàn trâu đi qua đây, chàng sụp ngồi nép sang một bên, không biết nơi nào mà tránh. Lạ lùng thay, chàng cảm thấy như mình đang ngồi dưới bụng một con trâu lớn. Con trâu này đã

đứng lại để che chở cho chàng và cứ xuống liếm sạch những vết máu trên đôi mắt bị thương.

Khi bấy trâu đã nằm rộ qua rồi, chàng nghe có tiếng người hỏi:

— Người là ai? Sao lại lâm vào hoàn cảnh này?

Ngâm nghĩ một lát, Thiện-Hữu trả lời:

— Tôi là một kẻ mù lòa, nghèo khổ, đi xin ăn qua ngày.

Người chăn đàn trâu nhìn gương mặt thông minh, vầng trán cao của Thiện-Hữu, trong lòng nghĩ hoặc nhưng không muốn hỏi thêm nữa. Người ấy đỡ chàng dậy và mời:

— Nhà tôi ở gần đây. Xin mời người ghé lại cùng ở với tôi, đôi họ cùng xé chia cho nhau.

Thiện-Hữu đi theo người chăn trâu. Nhà hẹp nhưng lòng người chẳng hẹp. Thiện-Hữu được chăm sóc tận tình nên vết thương chẳng bao lâu đã lành, tuy nhiên đôi mắt trước đây sáng ngời của chàng bấy giờ đã mãi mãi từ biệt ánh trời. Chàng không còn trông thấy được nữa.

Một thời gian sau, vì không muốn cứ tiếp tục làm gánh nặng cho người chăn trâu, Thiện-Hữu nói:

— Tôi đã làm phiền ân nhân

quá nhiều. Nay tôi muốn tự tìm cách sinh sống.

— Ai lại nỡ để người rời khỏi đây, dù rằng trong cảnh nghèo nàn, người còn thiếu thốn mọi điều.

— Không, xin đừng nói thế. Ở đây, tôi nguyện ghi nhớ trọn đời. Giờ đây, xin giúp cho tôi một cây đàn và xin đưa tôi đến một kinh thành để tôi tự tay kiếm lấy miếng ăn.

Thế là hôm sau, ở một góc phố của kinh thành vua Lợi-sư-Bạt đã vang lên tiếng đàn của Thiện-Hữu. Tiếng đàn huyền diệu, làm xúc động tâm can người nghe. Người ta vây quanh nhà nghệ sĩ mù.

Thiện-Hữu gần eo vờng trán, mặt hướng về xa xôi trong lúc các ngón tay chàng thoăn thoắt trên dây đàn. Khi người ta không nhìn được cảnh tượng bên ngoài, người ta đã hướng tất cả về bên trong mà thấu suốt cả tâm hồn mình. Cho nên tiếng đàn của chàng khi trong vắt, khoan thoai, khi rung dài, tha thiết đã phổ diễn được lòng thương bao la của mình trước nỗi khổ đau của kiếp người.

Ngày tháng trôi qua. Thiện-Hữu đã sống trong cảnh nghèo khổ, cùng chia xé vui buồn với bao nhiêu kẻ nghèo khổ nhất của xã hội. Bỗng một hôm, có người ghé vào tai chàng nói nhỏ:

— Hỡi chàng nghệ sĩ. Nếu chàng bằng lòng giúp tôi đuổi chim trong vườn Thượng-uyên, tôi sẽ nuôi dưỡng người đầy đủ.

Thiện - Hữu lương - lự, chàng không muốn rời bỏ cây đàn của mình, rồi bỏ giai tầng nghèo khổ mà chàng đã cố dấp giúp đỡ họ bằng tiền nong có thừa, bằng những điệu đàn giải thoát. Thiện-Hữu kiểm lời từ chối:

— Tôi mù lòa. Công việc ấy có thể không thích hợp với tôi.

Người kia trả lời:

— Tôi đã có cách. Tôi sẽ buộc những chiếc khánh nhỏ vào đầu dây rồi treo lên các ngọn cây. Khi nào nghe tiếng chim kêu, người chỉ cần giật dây là được.

Cuối cùng, Thiện - Hữu gắng gượng nhận lời và bắt đầu một cuộc sinh hoạt mới. Chàng ngồi dưới gốc cây to ở góc vườn và chờ đợi. Một bầy chim vừa bay đến, gọi nhau ríu rít mà Thiện-Hữu nghe say mê như một bản nhạc vui tươi. Nhưng bỗng chàng nhớ đến nhiệm vụ, chàng giật mạnh đầu dây. Những chiếc khánh đồng đánh lên rầm rộ, chan chát như hăm dọa, như chửi rủa.

Khi tiếng khánh vừa dứt thì bầy chim bay đã xa. Thiện Hữu cảm thấy như vừa phạm một tội ác.

Đề khuấy khỏa, chàng nắm lấy cây đàn, dạo thử mấy tiếng và đánh tiếp bản nhạc. Tiếng đàn dồn dập ban đầu, lại trở về với nhịp điệu khoan thai, thanh thoát. Say mê trong âm thanh do chính bàn tay mình nắn nót ra, Thiện Hữu không còn là người giữ chim nữa. Chàng đã sống lại những giây phút đánh đàn trước mặt các bạn nghèo ở góc phố nào của kinh thành.

Và tiếng đàn diễm ảo ấy, có sức hấp dẫn lạ lùng ấy, lại lọt vào tai của một người. Người ấy là công chúa con vua Lợi-sư-Bạt, đang cùng với bọn thị tì ngoạn-cảnh ở trong vườn,

Công chúa đến bên cạnh, cất tiếng hỏi:

— Người là ai? Sao lại vào được nơi đây?

Thiện Hữu trả lời:

— Tôi là một kẻ mù lòa. Tôi giữ chim giúp cho người coi vườn này.

— Người không phải là một kẻ giữ chim. Người là một nghệ sĩ tài ba. Khúc đàn của người hay tuyệt vời. Còn ta, ta là công chúa, con vua Lợi-sư-Bạt. Ta mời người dạo lại khúc đàn vừa rồi.

Bây giờ Thiện Hữu mới biết lâu nay mình đã sống trên một nước chư hầu, và nàng công chúa đang đứng trước mặt là vị hôn

thê của mình. Nhưng Thiện-Hữu tìm cách từ chối:

— Tôi chỉ là một kẻ tầm thường. Tôi đâu dám nhận những lời khen ngợi quá đáng.

Công chúa lặng nhìn vầng trăng cao, lắng nghe tiếng nói trong sáng, nhớ tới tiếng đàn thanh thoát mà lòng vô cùng cảm mến. Nàng thấy hình như có một mối duyên nợ tiềm kiếp nào giữa mình với người nghệ sĩ này nên không muốn từ giả nơi đây. Công chúa quay bảo nữ tì:

— Hãy về mang thức ăn ra đây để ta được đãi người bữa trưa hôm nay.

Hôm đó, sau khi cùng dùng cơm trưa với người giữ chim, công chúa trở về hoàng cung và thuật lại với vua cha về sự gặp gỡ vừa rồi. Công chúa hết lời tán dương người giữ chim rồi kết luận:

— Xin phụ vương cho con được chung sống với chàng.

Vua Lợi-sư-Bạt nổi giận:

— Con quên rồi sao? Cha mẹ đã hứa gả con cho Thái tử Thiện Hữu. Nay Thiện Hữu xuống biển tìm ngọc quý chưa về mà con lại xia làm vợ một người mù sao?

Nhưng rồi thương con gái, nhà vua lại dịu giọng:

— Dù sao con hãy chờ tin Thiện Hữu. Chừng ấy ta sẽ quyết định.

Đó là một kế hoãn binh. Thực ra, vua Lợi-sư-Bạt hết sức lo ngại. Cho nên, qua hôm sau vua sai viên cận thần sắp đặt đề bí mật đưa người giữ chim vào một căn phòng vắng vẻ trong cung điện. Nhưng người ta không tài nào giữ bí mật được chỗ ở của người nghệ sĩ mù đối với nàng công chúa.

Những ngày bị giam lỏng trong cung phòng, Thiện Hữu tưởng nhớ đến cha mẹ, đến Ác-Hữu. Làm sao đề sớm thực hiện phát tâm cứu giúp chúng sinh đang trôi nổi chìm đắm? Người ta sẽ đối xử với ta thế nào đây?

Trong lúc ấy thì công chúa vua Lợi-sư-Bạt lên tìm đến gặp Thiện Hữu. Công chúa ngồi xuống bên cạnh chàng, nhìn vào đôi mắt bị thương mà lòng xót xa. Nàng thấy có một điều gì bí ẩn, một tai nạn bất ngờ nào vừa mới xảy ra trên gương mặt đạo hạnh và trí tuệ của chàng.

Nàng muốn nói với Thiện Hữu để được nghe giọng đáp của chàng:

— Chàng không phải là kẻ giữ chim tầm thường. Có điều gì chàng muốn giấu giếm!

Thiện Hữu trả lời:

— Tôi không muốn giấu con

chứa, nhưng tôi nói thật thì chắc gì công chúa tin tôi. Một người mù thì dễ tin là kẻ nghèo khổ, chứ khó có thể tin được là một hoàng tử!

Công chúa reo lên vì sung sướng:

— Thế chàng là một hoàng tử.

Thiện Hữu thấy đã đến lúc cần phải nói rõ về mình để tìm cách gặp lại cha mẹ, đề sớm đạt được ý nguyện cứu giúp chúng sinh.

— Nàng có thể tin được điều ấy chăng?

— Em tin, chàng phải là một hoàng tử.

— Thế thì tôi là hoàng tử Thiện Hữu đây.

Công chúa mừng rỡ đến chảy nước mắt, nàng nắm lấy tay người thanh niên mù lòa đang ngồi trước mặt mình và hỏi nhanh:

— Chàng là thái tử Thiện Hữu! Chàng nói thật đấy chăng?

Khi sự sung sướng đến một cách quá ư đột ngột thì người ta lại nghi ngờ ngay cái kết quả mình đang nắm trong tay, đang có trước mặt mình:

— Có cái gì để em có thể tin được lời chàng không?

Thiện Hữu hướng mặt về

phía nàng công chúa, nói một cách trang trọng:

— Tôi không có một vật báu nào để làm tin, nhưng tôi có tâm thành của tôi. Nàng hãy nghe đây. Nếu mà tôi dối nàng thì đôi mắt tôi; đây cứ mù mãi mãi, còn như nếu lời nói của tôi là thành thật thì xin cho đôi mắt của tôi sáng lại như trước.

Thiện Hữu vừa dứt lời thì thấy trong toàn thân một sự thay đổi lạ lùng. Đôi mắt chàng chớp chớp lia lịa rồi mở bừng ra. Và thần diệu thay! Đôi mắt chàng đen nhánh, sáng quắc như đôi vì sao lấp lánh giữa khoảng trời đêm. Thiện Hữu đã thấy lại ánh sáng, đã thấy được vị hôn thê của mình đang vui sướng như đóa hoa buổi sáng.

Công chúa se-se nói, giọng run run vì cảm động:

— Chàng là một thiên thần!

— Không đâu! Tôi cũng chỉ là người như nàng. Nhưng sức vận nắn chính là ở tâm chúng ta. Trước đây, nhờ tâm từ bi tôi đã vượt qua bao nhiêu nguy hiểm, lặn lội đến long-cung để xin ngọc Như Ý. Và hôm nay, cũng nhờ phát nguyện tâm thành mà tôi được bình phục.

Kỷ sau: Trở về Ba-la-nại

Nhân ngày Pháp-Nạn 20-8:

HOÀI-NIỆM

MINH-GIANG

« ...Chỗ Người ngồi : một Thiên thu tuyết tác

Trong vô hình sáng chói nét Từ-Bi... »

Người đây là Hòa-thượng Quảng - Đức, đã đem lại cho Phật-Giáo sự vinh-quang, đem lại cho dân tộc Việt lòng cảm mến và thán phục. Chỗ Người ngồi : ngã tư đường Phan - đình - Phùng. Lê-văn - Duyệt Saigon, nhưng đã là một thiên thu tuyết tác, vô tiền khoáng hậu. Mục-sư Donalds Harrington thuật lại rằng : ... « ngày 11 tháng 6 1963, một « đoàn Tăng Ni mặc áo vàng đang diễn hành qua các đường « phố Saigon, thủ đô miền Nam Việt-nam. Bỗng nhiên, Tăng « Ni đứng dàn ra thành vòng tròn và một vị Sư 73 tuổi tên Thích « Quảng-Đức ngồi xếp chéo chân theo kiểu tọa thiền trên đường « nhựa bóng. Trong tay, người cầm một xâu chuỗi 54 hạt và « bắt đầu niệm Phật. Trên chiếc cà-sa, Ngài đã tẩm ướp dầu « xăng. Tất cả Tăng Ni lùi lại : kinh cẩn, kinh sợ. Những « khách bộ hành nhận thấy rằng một biến-cố phi - thường gì « sắp sửa xảy ra, nên tất cả đều dừng lại chờ đợi.

« Với một vẻ yên lặng, bình thản trên khuôn mặt, Ngài Thích « Quảng Đức niệm lớn « Nam-mô A-Di Đà Phật ». Thế rồi « Ngài bắt một que diêm và ngọn lửa phừng phừng bốc lên « phủ kín thân Người, nhưng Người không hề kêu la hay động « đậy. Người ngồi ngay thẳng trong 10 phút, thân hình chìm « trong lửa đỏ, và khi lửa tàn, người nằm xuống bất tỉnh... »

Cả thế giới hướng về « thiên thu tuyệt tác » ấy; câu chuyện thời sự hấp dẫn nhất, kinh hoàng nhất, anh hùng nhất lúc bấy giờ vẫn là « thiên thu tuyệt tác » ấy.

« Rồi đây... rồi mai sau còn chi.

Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát... »

Còn chứ. Không những chỉ « còn mãi trái tim Bồ Tát gọi hào quang xuống tận ngục Á Tỳ » mà còn một sức sống mãnh liệt, một ý chí dồi dào bắt tận phát nguồn từ « bóng người vượt chín tầng mây » ấy.

Thế rồi, ngọn lửa thứ hai, thứ ba, thứ tư... thứ tám tiếp nối, tiếp nối.

Một Đại đức Nguyên-Hương, một Ni-cô Diệu-Quang, những Đại - đức Thanh - Tuệ, Tiểu - Diệu, Quảng - Hương, Thiện - Mỹ cho cả Nữ Huỳnh - trưởng Yến - Phi, cái chết của Quách-thị-Trang, các em ở Đài phát Thanh Huế và những cái chết âm thầm Vì Đạo của Phật tử ở các phương trời... mỗi người một di-ngôn, mỗi một hoàn cảnh, nhưng tựu trung cũng chỉ hướng về một mục đích duy nhất: Bảo vệ đạo pháp.

Cho dù chính phủ Ngô đình Diệm nhìn những cái chết cao cả ấy như một sự « tự tử », một « án mạng », một « sự nhiễm độc » hay tàn nhẫn hơn, — « một sự nướng người » thì đối với dân chúng, đối với thế giới, đối với lương tâm, là cả một sự can rút, day nghiêng, chà đạp.

Kể từ Đại đức Nguyên-Hương, không một nhục thân nào là khỏi bị cướp bóc. Ai là kẻ ở Huế mà lại không chứng kiến cái thảm cảnh « cướp xác » tại gần chùa Linh Mục? Những kẻ cướp tàn bạo, phi nhân. Những người Việt chỉ « Việt » ở thể xác mà không còn « Việt » ở tâm hồn.

Một chiếc mõ đôi lên đầu vị Sư đang tụng kinh, một cái chuông bị xán vào gốc cây, cái bàn thờ Phật bị đá nghiêng ngửa; những bằng súng, những đùi gỗ bỏ lên đầu, bỏ vào lưng những Phật tử yếu đuối chỉ ước mong được chôn các Thầy mình đúng với lễ nghi tôn giáo để đáp ứng được sự hy sinh cao cả của kẻ tự nguyện hy sinh...

Trên 60 Phật-tử bị thương. Thế đấy, cái chính-sách gọi là nhân-vị. Lòng người phẫn uất. Dân xứ Huế vùng lên hơn bao giờ để ngọn lửa thứ hai bốc lên tại chùa Từ-đàm Huế. Tôi không làm sao quên được cái đêm hôm ấy: ngọn lửa bùng lên và trong ngọn lửa, hình ảnh của H. T. Quảng-Đức — qua nhục thể của T.T. Tiểu-Diêu — sống lại một cách linh động.

Làm sao quên nét mặt vừa trang nghiêm vừa hoan-hỷ khi Thượng-tọa biết chắc mình « được » hy-sinh và được sự giúp-đỡ để thành tựu ý nguyện.

Làm sao quên được hình ảnh của tấm thân già nua gò lưng nắn nót từng chữ trong bản di-ngôn? Làm sao quên được bài giảng « thân ngũ uẩn » trong gian phòng nhỏ hẹp cho một số anh em chúng tôi xin tình nguyện giúp Người tại-nguyện!

Và chao ôi! làm sao quên được! làm sao quên được những đánh lễ cuối cùng với tấm cà-sa nặng trĩu ết-xăng!

Làm sao quên được, sao quên được những bước đi nhẹ nhàng, chắc-chắn, vững-chắc từ điện Phật đến « chỗ Người ngồi: một thiên thu tuyệt tác! » Tim chúng tôi ngừng đập. Mồ hôi chúng tôi toát ra. Lưỡi chúng tôi lú lại không nói được nên lời. Chúng tôi vừa cúi đầu xuống thì lửa đã lóc lên, lên cao, cao quá mái chùa Từ-đàm.

Ai nấy đều vùng dậy. Trước ngọn lửa Từ-bí, mọi người sụp xuống. Tiếng khóc, tiếng nức nở vang dội. Trong ngọn lửa, Người cứ điềm nhiên, tay vẫn chấp lại. Lâu, lâu lắm.

Những lời ca ngợi Hòa-Thượng Quảng-Đức, hiện lên, hiện lên rất rõ trong trí tôi, trong tâm tôi.

Chùa Từ-đàm bị phong-tỏa. Dân chúng đứng bên ngoài lễ vào, khóc lớn. Những hương-áng được thiết-lập quanh chùa Từ-đàm, trước cổng Linh-quang. Quý vị Hòa-thượng đứng bên ngoài vái vọng vào, thể thâm chua xót, đau thương. Tăng đồ Tín-đồ ngồi xuống đường nhìn vào chùa, tụng niệm cho hương-linh kẻ vì đạo-pháp, vì mình, hy-sinh.

Mới hồi nãy đó, bây giờ đã hóa ra người thiên-cổ.

Ôi! ngọn lửa Huyền-vi...

Thế giới ba nghìn, phút giây ngơ ngác

Từ cõi vô minh.

Hướng về Cực-lạc...

Văn diệu thi-nhân chỉ còn là rơm rác;

Trước cái chết cao cả của những kẻ vị pháp hy sinh, có lời lẽ nào nói lên cho hết? nhất là những sự hy sinh trong những hoàn cảnh đau thương, khe khát, vây kín, như trường hợp của Đại-đức Quảng-Hương, Thiện-Mỹ!



Tôi tự trách mình không đủ thiện-duyên, chứng kiến mọi sự hy-sinh để ghi lại vài dòng hoài niệm, tri ân những vị Thánh tử-đạo tự nguyện nằm trong lòng đất lạnh cho Đạo-pháp được sống, cho dân tộc vinh-quang và cho chính cả tôi được nhờ như ngày hôm nay...

« Đồng loại chúng con nắm tay nhau tràn nước mắt

« Tình thương hiện Tháp chín tầng xây »

Từ-Đàm ngày Pháp-nạn.

• Những vần thơ trong bài trích «Lửa Từ Bi» của thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương.

QUAY PHIM... *thế sự*

ỦY-KHANH

Êo ôi Vu-lan là chuyện bịa ở bên Tàu ? !

Giữa mùa Vu-lan Ất-tý, một vị đã lên tiếng cả quyết Vu-lan là chuyện bịa ở bên Tàu. Phật-tử Huế lần đầu tiên được nghe chuyện bên Tàu này ! Không ai muốn cãi, nhưng mà người ta buồn vì lời tuyên bố lạ tai. Cho đến khi Đại-đức Hộ-giác tháng rồi thuyết-pháp tại chùa Diệu-đế nhất tâm tán thán ý nghĩa cao cả, và công đức vô lượng của đại lễ Vu-lan thì người Phật-tử tại đây mới hết buồn và yên bụng, nhiệt liệt hoan nghênh nhà sư đạo hạnh và sáng suốt.

Sự tích Vu-lan hiện có kinh điển chứng giải. Phát huy tinh-thần đại-hiểu báo ân phụ mẫu và tất cả chúng sinh quá khứ, hiện tiền và vị lai, phồ cập sâu rộng âm siêu dương thoát, thì sao lại gọi là chuyện bịa ? Vậy cái gì mới là thật ? Lòng bất hiểu và vô ơn chăng ?

Vu-lan làm chay chẵn tế quá nhiều !

Người ta phê bình như thế. Mà thật, đặc điểm Vu-lan năm nay có nhiều đóm chay và đèn chẵn tế. Nhưng cho rằng quá nhiều là sai, có khác nào phủ nhận tất cả ý nghĩa lễ Vu-lan ! Vu-lan mà không tổ chức được rộng rãi trai đàn cầu nguyện, thì làm sao đạt được ý nghĩa của Vu-lan ? Cái tinh thần hiếu hạnh thông cảm, báo ân của lễ Vu-lan cụ-thể-hóa bởi những trai đàn, mà ươg ít ít thôi, thì thật là trái chứng khó chịu.

Cúng... cấp

Châm ngôn « cúng cấp » do tổ tiên truyền lại đã bị quên lãng trong một thời gian khá dài. Nhất là cúng cho có hồn, thì càng lại phải cấp. Đâu phải vài tứ phương nửa chén gạo, một nắm muối cấp cho chúng sinh, gà, chim, sâu bọ, chuột... rồi xử hòa dư hương cồ bần dành riêng cho tín chủ hưởng riêng! Vậy thì đâu có thành, đâu có thiêng! Đã cúng thì nên cấp, phải cấp mới toàn thiện, toàn mỹ. Đã cúng mà sợ mất của sao! Vậy thì cúng xong phải cấp. Cấp cho kẻ nghèo khó tật bệnh. Cấp mà không mất, vì là việc thiện bỏ bùنگ bình đề mà hưởng.

Gần đây, chị em tiểu thương chợ Đông-ba thực hiện ý-nghĩa cao đẹp của sự cúng cấp. Chị em đã nhớ và thực hành châm ngôn « cúng cấp » trong lễ cúng âm hồn tháng năm, và mới rồi trong lễ Kỷ-niệm Đệ nhất chu niên, của Liên đoàn Tiểu-thương Đông-ba. Chị em đã làm chay chẩn tế và đã cấp cho các bạn nghèo thức ăn vài mặc với tất cả tấm lòng thành tha thiết. Cúng cấp như vậy nhất định là được chứng « tới nơi tới chốn » rồi đó! Mong sao phong trào « cúng cấp » càng ngày càng lan rộng thành một tập tục đẹp đẽ, khả dĩ gây được một cảnh giới Tĩnh-thương thòa dịu Đau-khổ.

Đêm không ngủ 20-21-8-65

Thế là đêm không ngủ thứ hai để kỷ niệm đệ nhị chu niên đêm Pháp nạn 63. Lại một đêm đen tối để rồi quật cường tỏ rạng trong chánh pháp. Nhưng toàn thể Phật-tử đêm năm nay thức sáng đêm quy tụ từng nhóm một để hội thảo tài liệu Pháp nạn 20-8. Ôn lại những kỷ niệm cũ, nhận định phê bình hăng say, cởi mở, không phải cao đàm viễn luận, tranh tài hùng biện để rồi đi ngủ cho khỏe, nhưng để tiến bộ. Tiến bộ tức là rèn luyện bản thân mình đầy đủ tinh thần và khả năng cứu khổ cứu nạn, hầu đạo pháp và dân tộc được trường tồn.

Nhưng mỗi chúng ta đã làm được gì cụ thể để thành tựu mục đích trên sau hai năm hồi tỉnh? Phải có làm được một chút gì xứng đáng thì thức cái ĐÊM ấy mới thú vị, không thì buồn ngủ chết đi mà thôi ai ơi. Hoặc giả nếu có thức trọn được một ĐÊM ấy để rồi ngủ gà ngủ vịt quanh năm, thì cũng chẳng ích lợi gì với các Thánh-Tử-Đạo... còn đắc tội với Đạo-pháp.

Đạo cao long hổ phục

Căn bản đạo đức có vững mới tỏa rạng và cảm hóa được, tác phong ngôn ngữ cử chỉ có thuần hậu, chánh đại thì người ta mới mến phục. Chớ còn đọc cho nhiều sách, nói năng cho hay, uy thế cho nhiều, mà lạnh như trụ tiền Minh-mạng, kỳ thị bỉ ngã, chấp kiến, ngã mạn, thì cũng đến nước «đào ao lãng đất cục» mà thôi, chẳng hấp dẫn cảm hóa được ai hết. Mà nếu có người thân phục, thì những kẻ tri âm ấy cũng chỉ có thể là hạng tào-lao tào-đẽ nhảy nhót lẫn xăn như bầy chim se sẻ.

Người Phật-tử đã lập chí sống chết vì Tình thương, làm việc cho Tình thương, thì trước hết e phải chú ý làm cho người ta cảm mến mình cái đã, gây hoàn cảnh thuận tiện cho người ta gần mình cái đã, mới đủ cảm tình và tín nhiệm mà hành đạo cho chớ! Người Phật-tử không phải là một «ông kẻ» để cho họ sợ, họ xa, và họ oán ghét được. Bản chất người Phật-tử chân chính phải làm cho người ta kính mến: thành công là ở chỗ đó.

Méo mó nhà nghề

Ông thầy thuốc thấy ai cũng tưởng là bệnh nhân hết, ông công an tưởng ai cũng là phản động cả, ông nhà binh tưởng ai cũng là kẻ thù cả (tất nhiên chỉ có những ông bị méo mó nhà nghề mới tưởng như vậy mà thôi), người Phật-

tử không thể để cho nghề nghiệp mình làm méo mó mình được. Vì do những méo mó đó mà chúng ta phạm phải những khuyết điểm kỳ thị, thành kiến và bất công rất tai hại cho việc chung.

Không phân biệt, nhưng sáng suốt nhận định, tròn chữ không méo, bỏ cạnh khía, người Phật-tử muốn thành tựu Phật sự không thể quên lắng điều đó.

Những người tư tưởng bằng hành động

Đó là những nhóm hướng thiện đứng ra cũng chưa hẳn là nhóm, những người có thiện tâm thiện chí không muốn hoang phí thời giờ thảo luận dài giòng, mà chỉ muốn khiêm tốn làm việc thực sự, làm những cái nhỏ nhỏ, chẳng to lớn ngoạn mục gì cả, âm thầm chẳng màng ai biết, quanh năm những lúc rỗi rãi, đi từ thành thị đến thôn quê, đem đến cho những người xấu số một niềm vui, một niềm an ủi, đôi chút nâng đỡ, trong khi họ sống bên lề xã hội mấy ai nhớ đến? Họ muốn suy nghĩ trong hành động, họ là một số anh chị em thanh niên thanh nữ, trí thức hay chuyên nghiệp, lao động, họ là những bác đã đứng tuổi, có khi cũng là cụ già đầu bạc, họ không nói nhiều, họ muốn góp sức nhau làm một cái gì ích lợi cho những kẻ cơ cực bệnh tật cô đơn hiu quạnh. Họ đi làm nhà, lợp túp lều tranh, che một quán trọ, họ cho thuốc đồng bào, cúp tóc trẻ con người lớn, săn sóc bệnh nhân. Họ làm tất cả những cái rất lật vặt tầm thường, để làm cho người đời còn tin được đôi chút là có một tình thương, và làm cho chính họ tin rằng Tình Thương mới thật là niềm vui không gợn buồn.

Nhưng mà, chính những người thiện chí đó vẫn còn cô đơn quá, còn gặp nhiều trở lực và phản ứng khó hiểu. Tại sao vậy?

VƯỜN TẠO ĐẠO LÝ

NGUYỄN HẠNH phụ trách

SINH, Lão, Bệnh, Tử là những cánh cửa hẹp mà tất cả người đời đều phải qua. Chính đức Phật, khi còn là vị Hoàng-tử trẻ-trung của nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu) hùng cường, ba lần dạo chơi ngoài nhân-gian đều đã chứng kiến những cảnh già, ốm, chết của nhân-thế. Do đó, vị Hoàng-tử vốn sống trong cảnh sống nhung-lụa đã cảm thấy cuộc đời toàn là khổ-đau, không có chi là bền vững, hạnh phúc, mà tất cả đều là vô-thường. Đó chính là một trong những động-cơ đã khiến hoàng-tử Cù-Đàm Tất-đạt-Đa (Gautama Siddhāttha) xuất-gia tầm-đạo. Các triết-gia hiện-sinh Âu-Châu ngày nay thì cho sinh, lão, bệnh, tử là những hoàn-cảnh giới-hạn (situations limites) của đời người. Trần-Thái-Tông tức Trần Cảnh (1218-1277) — vị anh-quân của nhà Trần, đã hơn một lần giã-từ ngôi báu để đi sâu vào núi tầm đạo như đức Phật thời xưa — đã gọi sinh, lão, bệnh, tử, là BỐN NÚI, khi mở đầu quyển KHÓA-HƯ KINH do chính Ngài ngự-chế (Khóa: công khóa, bài học hằng ngày; Hư: hư không, rỗng sạch — Khóa hư kinh là quyển kinh khuyên ta chia thì-giờ để sám hối, hồi-huong. Từ sáng đến tối, phải luôn luôn cố gắng tu-trì, hồi-huong, để làm cho lòng rỗng sạch, tỉnh-tấn để vượt khỏi cảnh trần-ai đầy những mê loạn này.)

Quý vị độc-giả sẽ nhận thấy « Phật tại tâm » nhưng nếu cái tâm đã bệnh-bồng, phóng túng, buông thả ra một đi không trở lại, thì người đời làm sao khỏi đọa vào bốn núi: sinh, lão, bệnh, tử.

Từng núi thứ nhất tức như tướng SINH đó, Tử-đại vốn là không, ngũ-uẩn cũng chẳng có; nhưng, đã sinh ra làm người đứng trong trời đất, thì dù là bậc hiền, dù là kẻ ngu, cũng đều được cứu-mang ở trong bảo-thai cả. Rồi hoặc trai mặt đẹp như Phan-An, Tống-Ngọc, rồi hoặc gái diễm-lệ khuynh quốc khuynh-thành, tất cả đều không lọt khỏi lưới luân-hồi, thoát ra ngoài vòng sinh-hóa:

Vinh vi lãng dăng phong trần khách

Nhật viễn gia hương vạn lý trình

(T. Ph. dịch)

Lênh đênh làm khách phong trần mãi

Ngày một xa Quê vạn dặm trường

Từng núi thứ hai, ví như tướng GIÀ (lão) của người đời đó. Thời-gian bay nhanh cùng cánh én mùa xuân, mái tóc «sớm như tơ xanh mà tối đã như sương», hình dung dần dà tiều-tụy, khí huyết dần-dà suy vi, tuổi hạc mỗi mòn chống chọi mưa nắng cuộc đời trên đầu gậy trúc. Mặt đẹp dễ như hoa phù dung, tay mềm mại như cánh bóng huệ rồi cũng gãy guộc, nhăn nheo-hằn vết thời gian:

Cảnh bức tang du tương hướng văn

Thân như bèo lều tạm kinh thu

Thanh điều tích nhật Phan lang mấn

Bạc biến đương niên Lã vọng đầu.

dịch-ngĩa

Cảnh tựa bóng dâu đã sắp xế

Thân như bèo lều tạm qua thu (thâu)

Bạc phơ cụ Lã năm nay đó!

Xanh mượt chàng Phan thuở trước đầu!

Từng núi thứ ba, ví như tướng BỆNH đó. Bệnh tật

vốn là một nỗi khổ ray-rứt của đời người. Tuổi già, bệnh ngày một tăng. Đục khoét hình hài, gặm mòn thể xác, biết ai là Biền-Thước chữa cho:

Đại đồ hữu thân phương hữu bệnh
Nhược hoàn vô bệnh diệc vô thân.
Linh đơn mạn xá trường sinh thuật
Lương dược nan kim bất tử xuân.

Thiền - Chử dịch:

Đại đồ có thân thì có bệnh
Nếu mà không bệnh cũng không thân !
Linh đơn nào thấy ai còn mãi
Thuốc giỏi rồi xem cũng hết xuân.

Biền-Thước dù có là thần y, Lư-nhân dù có là dược-sĩ, họ cũng vẫn chỉ là người như mọi người có sinh, có lão, có bệnh, có tử ở trong thế-giới trần-lụy này. Cho nên, theo Trần-Thái-Tông, Ngài quan niệm rằng: chỉ có mình là tự cứu chữa được BỆNH cho chính mình. Phương thế cứu chữa thần-hiệu nhất vẫn là đường lối tu-trì, quay về Chính-Đạo, như Trần-Thái-Tông đã viết trong hai câu kết:

Tảo nguyện viễn ly ma cảnh giới
Hồi tâm hướng đạo dưỡng thiên chân.
(Sớm nguyện rời xa cõi bụi lùm
Quay về chính đạo dưỡng chân tâm)

Tình núi thứ tư, ví như tướng TỬ (chết). Chết, chính là nỗi thống-khổ mãnh-liệt của người đời. Tử biệt, sinh ly không phải là cái bi đát nghìn năm của kiếp người trong cõi tục là gì? Khi rèm mi mắt đã được người

thân yếu vượt lại, đó là giấc ngủ vĩnh viễn muôn đời.
Chết là vĩnh-viễn ra đi với hai bàn tay không: người
thân yếu, châu bảo, ngọc vàng, công danh, sự nghiệp... tất
cả đều hoàn toàn trả lại cho ánh sáng mặt trời. Người
vĩnh-viễn-ra-đi cùng với một chút bóng trắng tàn le-lỏi
trên dòng sông lạnh đó :

Tạm thì trần lẫm thiên biên tịnh

Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh.

T. Ph. dịch.

(Tạm thì bụi cuốn bên trời tịnh

Nguyệt rụng sông dài đêm mấy canh)



Theo thiền-kiến, sinh lão bệnh tử quả là bốn «cánh cửa
hẹp». (1) Tất cả mọi người trên thế-gian này đều phải
lánh mình qua những cánh cửa hẹp này, nhưng, mấy ai
trong khi lách mình qua cửa-hẹp-đó đã ý thức được thân
phận hèn mọn của kiếp người, **để nhìn lên cao**, để nhận
cái hữu hạn của những cánh cửa hẹp mà thấy cái Vô-
Cùng của chân trời Đạo Hạnh như trong thơ Trần-Thái-Tóng?

(1) la porte étroite !

Hàng tháng đọc Liên - Hoa



Hàng tuần đọc Thiện - Mỹ

Vai trò

PHẬT-GIÁO TRONG NHỮNG VIỆC QUỐC-TẾ

của Ngài Lạt-Ma RIN'CHEN MKHAS'GHRUB

Tổng Thư-ký Phật-giáo Quốc-tế

THÁI-TRẠCH dịch

Cứ mỗi lúc, lại đến những « thông điệp hòa bình » xuất xứ từ những nước ít ra cũng có vụ lợi ở trong đó, vì tình hình chính trị và kinh tế của họ. Dù là do các nhân vật cao cấp, dù là do các đoàn thể quốc gia đưa ra, người ta cũng có thể đoán được chân tướng, và nhận ra là những lời kêu gọi hòa bình đó chỉ là cái bình phong che đậy những hoạt động ít chánh đáng.

Phật-giáo — tôi muốn nói các tổ chức Phật-giáo trên thế-giới — phải cảnh giác coi chừng những lời mời mọc hợp tác theo cái hướng đó. Phật-giáo không cần phải liên kết với bất cứ phong trào nào khác, vì từ thuở nào đến giờ, Phật-giáo mãi mãi vẫn là kẻ được truyền thụ những nguyên tắc cao cả của Hòa Bình và Tự Do. Đúng ra, Phật-giáo phải đứng ra kêu gọi tất cả những con người ấy có thể tin là chân thành nhưng ở mức còn thấp hơn vì họ không biết hay phủ nhận không nhiều thì ít nhưng mục đích che đậy của của những kẻ đang điều khiển họ. Phật-giáo, nếu người ta thành tâm muốn áp dụng thực sự những lời dạy bảo của Đức Phật sẽ làm dịu lại tất cả mọi cuộc tranh chấp, làm cho tròn lại tất cả những góc khía hiểm nghèo, công hiến một nền luân lý, một chủ thuyết xã-hội khả dĩ làm cho mọi

người đồng ý đối với những ai mà những quyền lợi tư dục và lòng ích kỷ chưa làm mù quáng hẳn.

« Không có chiến tranh chính trị, chỉ có những cuộc tranh chấp kinh tế », một vị thầy cũ của tôi đã nói với tôi như thế. Mà, thật vậy, tất cả lịch-sử còn đó để chứng minh điều này. Vì rằng, kinh tế chính là quy luật của sự phân phối tài sản cần thiết cho đời sống con người. Mọi sự lạm dụng đều xúc phạm vào quy luật này và gây ra nạn đói, sự bất mãn và các cuộc cách mạng. Giả sử Nã-phá-Luân thắng, thì ông ta đã được xem như là một vị thần, nhưng bại, ông ta chỉ là một tên độc tài ! Nếu Hitler thắng trận, người ta đã xem y là một bậc kỳ tài, bị đánh bại, y chỉ là một con quái vật. Và những giai đoạn của các trận mạc, của các thập tự chiến, các cuộc nổi dậy đều có thể đem ra phê bình theo như lời của Lã-phụng-Tiên « tùy theo người ta có uy quyền hay là khốn khổ những bản án của Tòa sẽ làm cho người ta vô tội hay là có tội ». Đó là sự giả dối thường tình của nhân loại.

Vì thế mà Phật-giáo phải can thiệp trong những việc quốc-tế như là một điều-giải-viên mạnh mẽ nhất. Phật-giáo phải có tiếng nói bất cứ chỗ nào đang đối chọi nhau hay đang đe dọa có sự va chạm nhau, giữa các lực lượng đang thù hận nhau vì bè phái bất cứ do nguyên nhân nào. Để tiêu diệt thù hận, cần phải gây ra một ý thức của Tình Thương và tình Huynh đệ, không phải bằng ngôn ngữ mà bằng hành động. Để đẩy lui những kẻ gây chiến tranh và các cuộc nổi dậy cần phải chĩa vào mặt chúng những ngọn đèn pha của CHÂN LÝ. Những đèn pha đó, chúng ta đã sẵn có, chúng ta hãy học cách sử dụng nó.

*(Dịch tài liệu đăng trong tập Informations Bouddhiques
xuất bản tại Bruxelles, Bỉ-quốc số 41 tháng 2-1965)*

TIN TRONG NƯỚC

Đại lễ Vu-lan.

Lễ Vu-lan năm nay đã được tổ chức rất trọng thể xứng với ngày lễ trọng đại của Phật-giáo Việt-Nam. Khắp chùa chiền trên toàn quốc đều cử hành lễ chư Tăng tự-tứ, cầu siêu pháp giới đa sanh phụ mẫu, cầu siêu chiến-sĩ trận vong và đồng-bào nạn vong.

Tại Việt-Nam Quốc-tự ở Thủ đô Sai-gon, đã tổ chức nhiều khóa lễ trong suốt 15 ngày từ mồng 1 đến Rằm tháng Bảy Âm-lịch, theo chương-trình sau:

— Lễ khai kinh Vu lan và lễ cầu-siêu cho cứu huyền thất tổ từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 7 Ất-tỵ.

— Lễ cầu-siêu cho các chiến-sĩ trận vong và nạn nhân thiên tai và chiến-tranh từ ngày 8 đến ngày 13 tháng 7.

— Lễ Vu-lan chính-thức và Trai Tăng từ 14 đến Rằm tháng Bảy.

Ngoài các khóa lễ có tính cách tôn-giáo, Giáo-hội các cấp đã tổ chức các cuộc từ-thiện tặng vật-phẩm cho đồng-bào nghèo và các cuộc viếng thăm ủy-lạo các chiến-sĩ đồn trú ở các đơn-vị hoặc điều dưỡng tại các bệnh-viện và thăm các can nhân ở các lao xá.

Riêng Nha Tuyên-úy Phật-giáo đã tổ-chức Đại Trai-dàn Phò-dộ tại nghĩa-trang Quân-đội ở Gò-vấp. Đại Trai-dàn có ý-nghĩa trong sự tỏ lòng biết ơn của các cấp Quân, Dân, Chính, đối với người đã khuất và còn là một sự lưu tâm đặc-biệt của Tuyên-úy Phật-giáo đối với các chiến-sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận giữ gìn đất nước, an ủi các thân-nhân gia-đình từ-sĩ và còn bộc-lộ sự tương quan giữa Phật-giáo với hiện tình đất nước.

Đại Trai-dàn Phò-dộ được tổ-chức vô cùng trang-trọng trong 4 ngày từ 13 đến 16 tháng 7 Ất-tỵ dưới sự chứng-minh tối cao của Đức Phó-Tổng-thống đại-diện Đức Tổng-thống GHPGVNTN và sự tham-dự của quý-vị Tướng - lãnh trong Ủy-ban lãnh-đạo Quốc-gia và chư Thượng-tọa trong Hội-đồng Viện-hóa-đạo.

Khắp nơi, đâu đâu, cũng có hàng vạn đồng-bào Phật-tử hành lễ cầu kinh trong mối giao cảm của người sống kẻ chết với tình thương vô lượng của chư Phật.

Lễ cung-thỉnh Kim-thân Phật-tổ về sở Tuyên-úy Hải-quân

Hồi 8 giờ 30 ngày 7-8-65 đại diện các binh chủng trong Quân-đội Việt-Nam Cộng-hòa đã cung thỉnh

Kim-thân Đức Phật từ Việt-Nam Quốc-tự về căn cứ sở Tuyên-úy Hải-quân ở đường Thi-sách. Trên các lộ-trình đồng-bào Phật-tử hai bên đường đã cung kính đảnh-lễ khi đoàn rước đi ngang qua.

Đến 8 giờ 55 đoàn rước về tới địa-diêm, Ba hồi chuông trống Bát-nhã vang lên, Thượng-tọa Thích-tâm-Giác, Giám-đốc Nha Tuyên-úy Phật-giáo cùng Đại-tể Tư-lệnh Hải-quân thỉnh Kim-thân Đức Phật vào an-vị tại niệm Phật-đường.

Tất cả quân-nhân Hải-quân Phật-tử đồng làm lễ cung bái Kim-thân và phát-nguyện hộ trì Phật-pháp. Thượng-tọa Giám-đốc Nha Tuyên-úy đã ngỏ lời tán-thán công-dức anh em quân-nhân tại đây đã nỗ-lực xây-dựng Niệm Phật-đường, tổ-chức Đại-diện Q.N.P.T; tất cả công việc đó là một món ăn tinh-thần, một niềm an-ủi cho người quân-nhân Phật-tử sau những giờ phút xông-pha ngoài chiến-địa để bảo-vệ quê-hương và Đạo-pháp.

Lễ Kỷ-Niệm 20-8

Theo thông-tư của Viện Hóa-Đạo, lễ kỷ-niệm Pháp-nạn 20-8 năm nay, các cấp Giáo-hội đã tổ-chức thật long-trọng nhằm các mục-dịch sau :

— Cầu siêu các Thánh-Tử-Đạo,

cầu an các nạn nhân các mùa Pháp-nạn.

— Giải thích rộng rãi tinh-thần ngày kỷ-niệm đề Phật-tử ý thức trách-nhiệm và hoàn-cảnh hiện tại của Giáo-hội.

— Cầu nguyện cho Đất Nước sớm được thanh-bình và thống nhất trong tự-do dân-chủ.

— Thăm viếng các mộ phần, gia quyến các Thánh Tử-Đạo.

Tuân-hành thông tư trên, các cấp Giáo hội thuộc các tỉnh, các quận, xóm toàn miền Nam Việt-Nam đã tổ chức các buổi lễ kỷ-niệm thật trọng thể và thâm sâu. Đâu đâu cũng có những "đêm không ngủ để cầu nguyện và tưởng nhớ".

Tại Việt-Nam Quốc tự, hàng vạn đồng bào Phật-tử đã túc trực từ chiều 20-8-65 để đợi giờ hành lễ, mặc dù trời mưa. Sân rộng như vậy mà không đủ chỗ, những đoàn người đến sau phải đứng ra ngoài đường .

Trời dứt cơn mưa thì buổi lễ bắt đầu. Hàng vạn thiện nam, tín nữ, cụ già, bà lão v.v... đã chỉnh-tề hàng ngũ; biểu-ngữ của các đoàn-thể Phật-giáo như sinh-viên, học-sinh, thanh-niên, thương-gia, lao-động, công tư chức... được treo khắp nơi

chung quanh Viện Hóa Đạo. Có nhiều biểu-ngữ viết chữ lớn : « Chấp tay nguyện cầu cho Bồ-cầu trắng hiện ». Có những bong bóng tung bay với hình ảnh các thánh tự thiêu và những hàng chữ kỷ-niệm mùa Pháp-nạn.

Đúng 19 giờ 30, Đức Phó Tăng - Thống và Thượng - tọa Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo cùng chư Thượng-tọa, Đại-dức thuộc hai Viện Tăng-thống và Viện Hóa-đạo đến. Lễ khai mạc bắt đầu sau đó 5 phút. Có nhà Sư Nhật Yamamoto tham dự.

Đọc diễn văn khai-mạc, T.T. Thích Từ-Nhơn nhắc nhở rằng 100 năm qua, nền tín-ngưỡng cổ-truyền của Dân-tộc bị bao thế-lực ngoại lai, độc tài khinh-rẻ kỳ thị. Và 10 năm trước đây, nhà Ngô đã manh-tâm tiêu diệt Phật-giáo Việt-Nam nhưng đã thất bại trước khí thế đấu tranh của toàn thể Phật-giáo-dồ trong và ngoài nước. Thượng-tọa nói tiếp : Hiện nay Phật-giáo và Dân-tộc lại đương đầu với nhiều gian-khổ nguy hiểm vì chiến-tranh, vì những phá hoại. Sau đó, Thượng-tọa kết luận : « Chúng ta cương quyết không để hiện-tượng hai hùng đen tối của 20-8 tái phát một lần nữa. »

Sau bài diễn văn, Đức Phó Tăng Thống niệm hương và nghi lễ cầu nguyện. Lễ dứt. Thượng-tọa Viện-trưởng Thích Tâm-Châu

ban đạo từ : « Hôm nay, chúng ta làm lễ kỷ-niệm Pháp-nạn, để nhớ lại những gì đau khổ nhất trong lịch-sử PGVN, để ôn lại sự việc trong 2 năm qua và đề hoạch-định tương lai... » Tiếp đó, Thượng-tọa ca ngợi công đức các vị đã bỏ mình vì Đạo - pháp. Thượng-Tọa cũng nêu rõ nhiều sự phá hoại từ ngoại-bộ cho đến nội-bộ nhằm gây chia rẽ hàng ngũ Phật-giáo, làm tan vỡ sự Thống-nhất. Thượng-tọa kêu gọi đồng-bào Phật-tử đoàn-kết và hành-động trong tinh-thần Đại-hùng, Đại-lực và Đại-từ-bi để phá phá mọi âm-mưu, mọi phá hoại dân-tộc và Đạo-pháp ngõ hầu đưa Dân-tộc và Đạo-pháp đến một tương-lai thanh-bình và tưng-tở.

Tiếp theo, Thượng-tọa Thích Thiệu-Minh cũng tỏ bày cảm nghĩ của Thượng-tọa nhân buổi lễ kỷ-niệm. Thượng-tọa kêu gọi toàn thể Tăng Tín-dồ hãy ý thức trách-nhiệm của mình trước hiện tình đất nước và Đạo-pháp hãy đồng tâm nhất trí đóng góp mọi nỗ-lực vào công cuộc xây dựng hòa-bình cho dân-tộc và trường tồn của Phật-giáo. Thượng-tọa khuyến cáo 5 điều sau :

1) Thanh lọc hàng ngũ từ cấp xã trở lên, không cho mọi kẻ đối lập thâm nhập lợi dụng và phá hoại.

2) Lưu ý, ngăn ngừa sự xuyên tạc của báo chí trong và ngoài nước đối với Phật-giáo.

3) Hảy cầu nguyện và đóng góp xây dựng cho Hòa-bình trở lại đất nước, cho an cư lạc nghiệp trở lại dân-tộc. Đó chính là bổn-phận thiêng-liêng nhất của chúng ta.

4) Phật-giáo Việt-Nam trước đây bị đàn áp một phần là vì cô lập. Vậy phải liên lạc chặt chẽ với Phật-giáo thế giới.

5) Tuyệt đối từ trên xuống dưới không nên đề đẳng phái chính-trị xen vào lợi dụng.

Tại Huế, năm nay tất cả các đoàn-thể Phật-tử đã tập trung làm 10 địa điểm đều thức trọn đêm đề học tập thảo luận các tài liệu « ngày Pháp-Nạn » và 5 giờ sáng 21-8 tập trung tại Từ Đàm làm lễ.

Nhìn ngọn lửa thiêng trước mặt, Phật-giáo-dồ Huế và Thừa-Thiên ngậm ngùi tưởng nhớ những ngày gian khổ đã qua với hình ảnh bao nhiều Thánh-Tử-Đạo đã xả thân bảo vệ Đạo-pháp và Dân-tộc, và cảm thông nỗi đau khổ hiện thời của đất nước trong chiến tranh tang tóc, đã cùng phát nguyện kết chặt hàng ngũ chống lại những âm mưu đang cố tình gieo đau thương cho quê hương xứ sở và phá hoại

Phật-giáo. Một bản Tuyên-ngôn phát biểu ý chí ấy như sau :

Tuyên-ngôn của Phật-giáo-dồ Thừa-thiên và Huế

— Hơn một trăm năm, cùng với quốc-gia dân-tộc, Phật-Giáo Việt-Nam, chịu một chính-sách thống-trị khắc-nghệt, kè cả chính-sách chia rẽ trị và ngu dân của thực-dân và đế-quốc ;

— Hơn mười năm rên xiết dưới chính-sách bất bình-dẳng tôn-giáo bất công xã-hội, độc-tài quân-phiệt, phản cách mạng của các chế độ Ngô đình Diệm, Trần văn Hương v. v...

— Trong lúc trên khắp chiến-trường và hậu tuyến, máu của Phật-tử đã đổ ra cho độc-lập, cho tự-do, cho dân-chủ, trong lúc từ thể-hệ này qua thể-hệ khác, Phật-giáo đã cố gắng không ngừng đề nghị cho đất nước này một kho tàng văn-hóa, nghệ-thuật đề mà tự-hào một quốc-gia có mấy ngàn năm văn-hiến thì Phật-giáo-dồ hiện nay là nạn-nhân của mọi chế-độ bất-công gian-ác ;

Trước Tình-trạng ấy.

— Các cấp lãnh-đạo Phật-giáo đã hoặc âm thầm, hoặc công khai vận-dộng đề phục-hồi nguyện vẹn giá trị và địa-vị cổ-hữu của Phật-giáo đối với quốc-gia, xứ sở,

— Cuộc vận-dộng công khai chống chế-độ Ngô-dinh-Diệm năm 1963, trong tinh thần BẤT-BẠO-ĐỘNG với những sự tự nguyện hy-sinh đến thiểu mệnh của Tăng Tín đồ đã đưa đến cuộc cách mạng lịch-sử 1-11-63.

— Những tưởng, với bấy nhiêu hy-sinh, với bấy nhiêu xương máu Phật-tử, Phật-giáo Việt-Nam được sống yên lành. Không ngờ, tay chân nhà Ngô, cấu kết với phản cách-mạng, âm mưu trả thù, tiêu diệt Phật-giáo để thống trị đất nước

Do đó nhân ngày Đệ Nhị Chu Niên Pháp-nạn 20-8, sau một đêm nhận-định và suy-niệm về hoàn cảnh hiện-tại của Đạo-Pháp và Dân-Tộc, Phật-Giáo-đồ long trọng tuyên bố:

— Đối với Đạo-pháp: Tiếp tục công cuộc vận-dộng cho đến bao giờ Phật-Giáo được thực sự sống yên lành, sẵn sàng đối phó với mọi âm-mưu phá hoại Phật-Giáo bất luận từ đâu đến.

— Đối với các Tôn-giáo bạn: Phật-giáo chủ-trương đoàn-kết Tôn-giáo, một sự đoàn kết trong tinh-thần cởi mở, hiểu biết và tôn-trọng lẫn nhau.

— Đối với quốc-dân dân-tộc: Chủ-trương đoàn-kết dân-tộc, thống-nhất xứ sở. Nhất định không để

tái diễn trên đất nước này một chế độ phản cách mạng, độc tài, quân-phiệt. Phải có một chính quyền hợp pháp, cách mạng, để bảo đảm nền Tự do dân-chủ cho quốc-gia dân tộc.

Làm tại Từ-dàm sáng 21 tháng 8 năm 1965.

Cứu-trợ Thiếu-nhị nạn-nhân chiến-tranh và Thủy-tai

Tiếp tục công cuộc cứu trợ đồng bào và trẻ em mồ côi nạn nhân của cuộc chiến-tranh hiện tại và nạn bão lụt năm qua. Giáo-hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-nhất đã đưa về Saigon 400 cô-nhi và cho tạm trú tại Việt-Nam Quốc. Tự. Giáo-hội dự định sẽ đưa về thêm 2.000 em nữa sau khi Cô-nhi-viện Phật-giáo tại Thủ-đô được xây cất xong.

Trong dịp này, ngày 2-9-65 vừa qua, Thiếu - Tướng Nguyễn - cao-Kỳ, Chủ-tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-ương đã đến hội-trưởng Viện Hóa-đạo thăm viếng các em và tặng 500.000 đồng thêm phần nuôi dưỡng các em.

TIN THẾ-GIỚI

Khánh thành Hội thanh niên Phật-tử tại Gauhati, Ấn-độ

Một hội Thanh niên Phật-tử đã

được thành lập tại Gauhati, tỉnh Assam, Ấn-độ với mục đích truyền bá Phật-giáo tại tỉnh này. Trong dịp này, một thư viện Phật-giáo cũng đã được thiết lập và hội đang sưu tập những sách về Phật-giáo để trang bị cho Thư-viện này.

Ông. Tshering Lama thư ký của hội cho biết tại Gauhati có nhiều Phật-tử, nhưng họ chưa được tổ chức lại thành đoàn thể thích đáng, vì vậy Hội Thanh-niên Phật-tử hy vọng rằng sẽ liên kết họ lại chặt chẽ và giúp đỡ họ sống đời sống Phật-giáo. Họ sẽ hoạt động về Phật-sự.

Cuộc hội họp của các hội Phật giáo các trường Cao-đẳng Đài-Loan

Các vị Hội trưởng các hội Phật-giáo của các trường Cao-đẳng Đài-Loan đã tổ chức một cuộc hội thảo để tổ chức các Phật sự cho các hội Phật-giáo của các trường Cao-đẳng.

Trong buổi họp, có hai quyết nghị sau đây đã được chấp thuận: Quyết định thứ nhất là tất cả các hội viên của mỗi hội sẽ nghiên cứu ba cuốn sách về Phật-giáo và xong rồi sẽ tóm tắt lại nội dung của ba cuốn sách đó và viết thêm bài bình luận về các sách đó. Quyết

định thứ hai là mỗi sinh viên sẽ phải đi truyền bá Phật-giáo tại mỗi Làng hay mỗi Quận.

Sinh viên nào thâm nhập được nhiều diềm nhất trong Phật sự đó sẽ được tổ chức Học bổng về Văn-hóa tưởng thưởng.

Giáo-sư Phật-giáo nói chuyện về Phật-giáo

Giáo-sư Hamilton phụ trách về môn Phật-giáo tại Đại-học Chicago, Hoa-kỳ, đã thuyết trình đề tài về Phật-giáo cho các thính giả của Hiệp-hội sản xuất Đường ở Đài-Loan và của Hội Phật-giáo Trung-hoa theo phái Changhua. Giáo-sư đã nói về « Phật-giáo, một tôn giáo phổ cập của Á-đông » và buổi nói chuyện này đã kéo dài hơn một tiếng đồng hồ.

Thư viện Phật-giáo tại Tây-Đức

Nhà chùa tại Tây Bá-Linh đang xây dựng một Thư viện trị giá trên nửa triệu bạc với số tiền ủng hộ của các kỹ nghệ gia Tây-đức. Hiện có trên 2000 Phật-tử tại Tây-đức. Nhà chùa cũng dự định tổ chức những khóa huấn luyện về Phật-giáo cho những người Đức có khuynh hướng về Phật-giáo để sau này họ có thể xuất gia.